

VƯỜN
tầm cao mới

mục lục

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

■ 02. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

■ 04. GIỚI THIỆU VỀ HDBank

- 06. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- 06. Văn hóa doanh nghiệp
- 06. Định hướng phát triển
- 07. Sản phẩm dịch vụ
- 09. Các giải thưởng nổi bật trong năm
- 10. Các sự kiện nổi bật năm 2010

■ 11. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- 14. Sơ đồ tổ chức
- 16. Hội đồng quản trị
- 22. Ban kiểm soát
- 24. Ban điều hành
- 30. Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 31. Báo cáo của Ban kiểm soát

■ 32. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2010

- 34. Tình hình thị trường tài chính tiền tệ năm 2010
- 34. Thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện của HDBank
- 36. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 40. Báo cáo các hoạt động khác

■ 50. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

■ 54. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 56. Báo cáo kiểm toán độc lập
- 57. Bảng cân đối kế toán
- 60. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 61. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 63. Thuyết minh Báo cáo tài chính



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý khách hàng, Quý cổ đông cùng toàn thể CBNV HDBank thân mến,

Chúng ta đã trải qua một năm 2010 với nhiều sự kiện đáng nhớ. Kinh tế thế giới và Việt Nam đã có dấu hiệu khởi sắc sau hơn 2 năm suy giảm do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Trong năm qua, Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 6,78%, cao hơn chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra (6,5%). Nhìn chung, tình hình kinh tế-xã hội năm 2010 phát triển theo chiều hướng tích cực dù vẫn phải thường xuyên đối mặt với nhiều khó khăn như áp lực lạm phát, lãi suất tăng cao, sự chững lại của thị trường chứng khoán và bất động sản.

Hiểu rõ những cơ hội và thách thức của nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng, trong năm qua, HDBank chúng ta không những đã vững vàng vượt qua những khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, mà còn tận dụng được những cơ hội tốt để hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả khả quan trong năm 2010 và chuẩn bị các nền tảng cơ bản để đưa ngân hàng bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn nữa cả về lượng và chất trong những năm kế tiếp.

Ngay trong những tháng đầu năm 2010, HDBank đã thể hiện rõ quyết tâm tiếp tục đổi mới cơ cấu quản trị ngân

hàng thông qua việc bổ sung mạnh mẽ thành phần Hội đồng Quản trị và Ban điều hành. Các chức danh chủ chốt của HĐQT được đảm nhiệm bởi những người năng động, giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết cống hiến. Với thành phần được tăng cường mạnh mẽ, HĐQT HDBank đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 3,000 tỷ đồng trong năm 2010, phân công, phân nhiệm của các thành viên HĐQT theo hướng chuyên trách tăng cường tham gia thường xuyên vào công tác quản trị, điều hành từ đó đưa ra được những định hướng, chỉ đạo linh hoạt, kịp thời nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Bên cạnh đó, HĐQT cũng đang làm việc chặt chẽ với các đối tác, tổ chức tư vấn trong và ngoài nước, đẩy mạnh dự án xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2011-2016, dự án chiến lược thương hiệu mới, chương trình hiện đại hóa công nghệ ngân hàng... nhằm hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh và đặt nền tảng đảm bảo tốc độ phát triển bền vững của ngân hàng trong thời gian tới.

Hoạt động quản trị rủi ro cũng là một trong những nội dung được HĐQT đặc biệt chú trọng với việc ban hành Chính sách quản lý rủi ro tín dụng ngay từ đầu năm 2010; Quy chế xếp hạng tín dụng nội bộ, Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng đã được hoàn thiện và áp dụng chính thức vào đầu năm 2011 cùng với các công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa và quản lý rủi ro của ngân hàng theo đúng với phương châm hoạt động “An toàn – Chất lượng – Tăng trưởng – Hiệu quả” mà HĐQT đã đề ra.

Từ những phân tích, đánh giá kỹ lưỡng cơ hội thị trường, xu hướng phát triển ngành cũng như nguồn lực nội tại của HDBank, HĐQT và Ban điều hành đã mạnh dạn quyết định đưa HDBank phát triển theo định hướng ngân hàng bán lẻ thông qua sự đầu tư mạnh về công nghệ, mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, hoạt động đào tạo, phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại như Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, hệ thống thẻ thanh toán kết nối thành công với 3 liên minh thẻ Smartlink, Banknetvn và VNBC,...

Những kết quả hoạt động kinh doanh khả quan của năm 2010 là minh chứng cụ thể về chiến lược phát triển đúng đắn, vị thế trên thị trường bán lẻ dồi dào tiềm năng cũng như năng lực cạnh tranh về chất lượng sản phẩm dịch vụ của HDBank. So với kế hoạch năm 2010, tổng tài sản của ngân hàng đã vượt 37,56%, huy động vốn vượt 45,21%, tổng dư nợ vượt 11,7%. Lợi nhuận trước thuế vượt 17%. Hệ thống mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch tăng từ 65 điểm năm 2009 lên 96 điểm vào cuối năm 2010. Với hoạt động kinh doanh hiệu quả, các hoạt động hướng về cộng đồng được thực hiện thường xuyên và kịp thời, thương hiệu HDBank ngày càng được nâng cao và được khách hàng, đối tác, cộng đồng nhận biết rộng rãi qua hình ảnh một doanh nghiệp năng động và có tinh thần trách nhiệm xã hội.

Mặc dù thị trường tài chính tiền tệ trong nước diễn biến

phức tạp và tình hình kinh tế quốc tế chưa có dấu hiệu phục hồi khả quan, với uy tín, vị thế, nền tảng vững chắc và những thành quả đã đạt được trong những năm qua, HDBank hoàn toàn tự tin bước vào năm 2011 với tinh thần quyết tâm tiếp tục đổi mới, kiên định với định hướng phát triển HDBank trở thành một ngân hàng bán lẻ đa năng hàng đầu tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu phát triển nhanh, đồng bộ, toàn diện để vào hàng ngũ những Ngân hàng Thương mại dẫn đầu trong 3 – 5 năm tới, trong năm 2011, chúng ta sẽ tiếp tục đẩy mạnh tiến độ triển khai xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh 2011-2016, triển khai chiến lược thương hiệu thành công trên toàn quốc và gia tăng mức độ nhận biết thương hiệu HDBank của khách hàng, cơ quan quản lý, đối tác và các nhà đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng văn hoá doanh nghiệp năng động, trong sạch, nhân văn và chuyên nghiệp, nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ trong Ban điều hành, xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn kế cận trên toàn hệ thống, phát triển công nghệ ngân hàng hiện đại đảm bảo sản phẩm công nghệ cạnh tranh nhất trên thị trường với chi phí đầu tư hợp lý, tổ chức vận hành tốt nhất ma trận quản lý, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, thông suốt của các khối chuyên môn nghiệp vụ từ Hội sở xuyên suốt đến từng cán bộ chuyên môn, tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch cả về lượng và chất hướng đến mục tiêu phủ sóng trên toàn quốc và vươn ra nước ngoài.

Con đường đổi mới và phát triển của HDBank vẫn còn không ít khó khăn, trở ngại. Tuy nhiên, khó khăn không phải là rào cản mà ngược lại, chính là thách thức, là động lực cho những con người quyết tâm, kiên định. Những thành quả HDBank đạt được ngày hôm nay và những thách thức mà chúng ta đã vượt qua trong những năm trước đây là minh chứng cụ thể nhất về tinh thần phấn đấu vượt mọi khó khăn và nỗ lực cống hiến của đội ngũ cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống HDBank. Phát huy tinh thần đó, cùng với sự hỗ trợ quý báu và gắn bó dài lâu của Quý khách hàng, Quý cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước các cấp, chúng ta hoàn toàn tự tin bước vào năm 2011 với quyết tâm hướng đến những kết quả hoạt động khả quan hơn nữa.

Xin chúc toàn thể quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.



Lê Thị Băng Tâm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

GIỚI THIỆU VỀ HDBANK

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Văn hóa doanh nghiệp

Định hướng phát triển

Sản phẩm dịch vụ

Các giải thưởng nổi bật trong năm

Các sự kiện tiêu biểu năm 2010



1. TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn:

Trở thành tập đoàn tài chính hoạt động hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, có mạng lưới quốc tế và là thương hiệu được khách hàng Việt Nam tự hào tin dùng.

Sứ mệnh:

Cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ tài chính hoàn hảo theo chuẩn mực quốc tế, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Giá trị cốt lõi:

- Khách hàng là trọng tâm; hoạt động an toàn, chú trọng hiệu quả, rõ ràng và minh bạch.
- Nhân sự xuất sắc và nỗ lực không ngừng.
- Hợp tác cùng phát triển với đối tác.
- Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

2. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

HDBank tự hào luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc trong sạch, nhân văn và chuyên nghiệp.

Môi trường làm việc thân thiện, năng động, gắn bó giữa Ban lãnh đạo và CBNV với yếu tố con người là trọng tâm. Các chính sách trọng dụng nhân tài, đảm bảo chế độ đãi ngộ, cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên.

Hình thành đội ngũ nhân viên năng động, hiệu quả, am hiểu sản phẩm dịch vụ, giữ vững đạo đức nghề nghiệp, đặt lợi ích của khách hàng và ngân hàng lên hàng đầu.

Luôn luôn học hỏi và khát khao vươn lên.

Luôn tạo tình thân ái và hướng về cộng đồng để chia sẻ với tinh thần trách nhiệm cao.

3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trở thành Ngân hàng bán lẻ, đa năng, hiện đại hàng đầu tại Việt Nam và vươn ra quốc tế.

Tăng tốc phát triển nhanh, toàn diện thông qua việc không ngừng sáng tạo, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, cải tiến công nghệ, phát triển mạng lưới hoạt động đi vào chiều sâu và chất lượng, nâng tầm thương hiệu, quản trị rủi ro hiệu quả... đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

4. SẢN PHẨM DỊCH VỤ

4.1 Khách hàng cá nhân:

“Không ngừng cải tiến toàn diện chất lượng sản phẩm hiện hữu, xây dựng các gói sản phẩm tích hợp đa dạng, chuyên biệt, nhằm tối đa hóa tiện ích cho khách hàng và nâng cao vị thế cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm”

Năm 2010 đã đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của Khối khách hàng cá nhân. Cơ cấu tổ chức của khối đã được xây dựng và hoàn thiện với nguồn nhân lực trẻ, năng động, triển khai mạng lưới các đơn vị chuyên trách rộng khắp, đào tạo đội ngũ nhân viên quan hệ khách hàng thân thiện, chuyên nghiệp. Nhiệm vụ trọng tâm là nghiên cứu thị trường, tìm hiểu nhu cầu thị hiếu khách hàng để cải tiến toàn diện chất lượng sản phẩm hiện hữu, xây dựng các gói giải pháp tài chính với nhiều sản phẩm tích hợp đa dạng và linh hoạt, tối đa hóa tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Huy động cá nhân: Tự hào là Ngân hàng tiết kiệm tốt nhất

Với hàng chục sản phẩm huy động đa dạng, phong phú từ các loại tiền gửi không kỳ hạn đến có kỳ hạn, linh hoạt trong phương thức trả lãi, luôn cam kết lãi suất tốt nhất cho khách hàng và gia tăng nhiều tiện ích cộng thêm khác. “Tiết kiệm Đa Lợi” là một trong những sản phẩm chủ đạo cho dòng sản phẩm huy động năm 2010. Với ưu thế tạo sự linh động cho sản phẩm bằng giải pháp rút vốn và lãi linh hoạt, tiết kiệm Đa Lợi không chỉ tối đa hóa thời hạn gửi tiền của khách hàng mà còn giải quyết được vấn đề về nguồn vốn trung dài hạn của HDBank. Ngoài ra, sản phẩm còn nổi bật với lãi suất cạnh tranh và linh hoạt theo sự thay đổi của thị trường cùng các giá trị cộng thêm khác.

Sản phẩm cho vay: Đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng

Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho HDBank.

Tiêu biểu là sản phẩm Cho vay bất động sản với thời hạn vay tối đa lên đến 20 năm, mục đích vay linh hoạt từ cho vay mua, xây dựng cho đến sửa chữa bất động sản. Với dịch vụ môi giới đi kèm với sản phẩm, HDBank đã trở thành cầu nối tin cậy giữa bên mua/người vay vốn và bên bán bất động sản, giảm thiểu rủi ro trong thanh toán và tiết kiệm thời gian hoàn tất thủ tục chuyển nhượng chủ quyền sau giải ngân.

HDBank còn có các sản phẩm tín dụng chuyên biệt, mang tính cạnh tranh cao như: sản phẩm cho vay mua xe ô tô lên đến 72 tháng, tỷ lệ cho vay lên đến 95% giá trị xe; cho vay tiêu dùng, thấu chi tài khoản...

Tiền gửi linh hoạt: Nhiều tiện ích và an toàn

Được kết hợp từ những đặc tính vượt trội của tiền gửi thanh toán với các giao dịch linh hoạt như chuyển tiền thanh toán qua tài khoản, nhận chuyển khoản, rút tiền qua máy ATM, kiểm tra số dư..., khách hàng sử dụng dịch vụ có thể thực hiện giao dịch mọi lúc mọi nơi với lãi suất hấp dẫn dựa trên phương thức tính lãi bậc thang lũy tiến toàn phần trên số dư cuối ngày và yên tâm về tính an toàn, bảo mật.



Dịch vụ Ngân hàng điện tử: An toàn và bảo mật cao nhất

HDBank là ngân hàng tiên phong đã triển khai thành công bộ sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử như: SMS Banking, E-Banking, Mobile Banking, ... giúp khách hàng dễ dàng giao dịch với ngân hàng mọi lúc mọi nơi. Hiện tại, ngoài các tính năng quản lý tài khoản, chuyển tiền trong và ngoài hệ thống, HDBank còn liên tục gia tăng các tính năng mới thông qua các liên kết như nạp tiền điện thoại, thanh toán cước viễn thông, vé máy bay... Hơn nữa, với hệ thống bảo mật đa lớp, khách hàng sẽ hoàn toàn yên tâm về sự an toàn và bảo mật cao nhất trong từng giao dịch.

Sản phẩm Thẻ: Chiếc “ví” điện tử thời hiện đại

Thẻ thông minh HD Card là thẻ thanh toán nội địa có nhiều tính năng vượt trội nhất trên thị trường hiện nay. HDBank đã hoàn thành liên kết với tất cả các liên minh thẻ Smartlink, VNBC, Banknetvn... cho phép chủ thẻ có thể giao dịch tại hơn 40 ngân hàng và 10.500 máy ATM trên toàn quốc. Chủ thẻ còn được hưởng nhiều ưu đãi khi sử dụng thẻ cho các dịch vụ liên quan đến thanh toán chi tiêu như: trả hóa đơn tiền điện, cước viễn thông, thanh toán trực tuyến, mua vé máy bay giá rẻ... Bên cạnh đó, HDBank cũng đã kết nối với các doanh nghiệp phát hành thẻ đồng thương hiệu.

Trong năm 2011, HDBank sẽ ra mắt các dòng thẻ mới như Master Card, Visa Card, triển khai thêm các POS và các thẻ liên kết khác nhằm gia tăng tiện ích cho chủ thẻ.

4.2 Khách hàng doanh nghiệp

“Cung cấp trọn gói mọi giải pháp tài chính cho khách hàng doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế với ưu đãi cao nhất” Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng mục tiêu, HDBank không ngừng phát triển sản phẩm mới, tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ, xuất nhập khẩu, ưu tiên các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Các sản phẩm, dịch vụ dành cho doanh nghiệp luôn được thiết kế linh hoạt phù hợp, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật cao.

Dịch vụ tài khoản thanh toán, đầu tư tiền gửi: Khách hàng doanh nghiệp mở tài khoản thanh toán tại HDBank sẽ được gia tăng tiện ích qua việc sử dụng miễn phí một số dịch vụ ngân hàng trực tuyến như: SMS Banking, Internet Banking, Mobile Banking... Hơn nữa, HDBank còn áp dụng ưu đãi phí dịch vụ, lãi suất tiền gửi cạnh tranh cho doanh nghiệp sử dụng nhiều dịch vụ tại ngân hàng.

Sản phẩm tín dụng: Điểm nổi bật của các sản phẩm tín dụng tại HDBank là chú trọng thiết kế sản phẩm dịch vụ linh hoạt phù hợp với nhu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp.

Các sản phẩm điển hình như: bảo lãnh, tài trợ nhà thầu trọn gói; cho vay kinh doanh cà phê; cho vay kinh doanh hạt điều; cho vay kinh doanh bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay... đã hỗ trợ rất hiệu quả cho các doanh nghiệp trong năm 2010 vừa qua.

Thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ: Với hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, các dịch vụ thanh toán, chuyển tiền được xử lý nhanh chóng, an toàn, chính xác với nhiều tiện ích cộng thêm cho khách hàng; nguồn ngoại tệ dồi dào sẵn sàng cung ứng cho nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng với mức giá cạnh tranh, ưu đãi.

Cung cấp giải pháp tài chính trọn gói: HDBank ký kết hợp tác toàn diện, tài trợ đầu tư cho các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có uy tín trên thị trường, để cung cấp trọn gói các sản phẩm dịch vụ ngân hàng như tư vấn tài chính, tín dụng, thanh toán quốc tế, thu hộ, chi hộ...

Thêm vào đó, HDBank luôn tìm các nguồn vốn giá rẻ để dành gói hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn của JBIC (Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản), JICA (Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản), dự án SMEFP,...

HDBank tích cực triển khai các chương trình hỗ trợ tín dụng cho các đối tượng nông thôn, doanh nghiệp xuất nhập khẩu nông sản... vừa qua HDBank đã dành gói hỗ trợ hơn 2000 tỉ đồng cho hộ nông dân, doanh nghiệp xuất khẩu cà phê.

HDBank luôn tích cực đồng hành cùng doanh nghiệp Việt Nam, thể hiện cam kết mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.



CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM

Giải chất lượng quốc gia do Thủ tướng chính phủ trao tặng

Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam

Top 100 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Top 200 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất

Giải thưởng Vì sự phát triển cộng đồng

Giải thưởng Thương hiệu bền vững

Giải thưởng Quản lý thanh toán toàn cầu (do Citigroup trao tặng)

Giải thưởng Chất lượng soạn điện thanh toán chuẩn (do ngân hàng Wells Fargo, N.A trao tặng)

Giải thưởng thanh toán quốc tế xuất sắc (do Citibank trao tặng)

Cờ thi đua công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc

10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2010



1 ĐÓN NHẬN BẰNG KHEN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

Thủ tướng Chính phủ đã trao tặng Bằng khen cho tập thể HDBank nhằm ghi nhận những nỗ lực vượt bậc trong quá trình phát triển, đặc biệt với thành tích ấn tượng trong hoạt động kinh doanh trong những năm gần đây



THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THĂM HDBANK:

Đầu năm 2010, thống đốc NHNN Việt Nam Nguyễn Văn Giàu đến thăm và làm việc tại HDBank. Năm 2009 và đầu năm 2011, Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết cũng đã có chuyến viếng thăm HDBank



2

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỐT NHẤT:

HDBank đã đạt những kết quả kinh doanh tốt nhất: Lợi nhuận đạt 351 tỉ đồng, tăng 37,56%. Tổng tài sản đạt 34.389 tỉ đồng, tăng 79,79%. Huy động vốn: 30.494 tỉ đồng, tăng 78,13%. Dư nợ cho vay đạt 11.728 tỉ đồng, tăng 42,5%. Nợ xấu kiểm soát dưới 0.83%.



3

CHƯƠNG TRÌNH SẮC MÀU LUNG LINH:

Diễn ra ngày 27/11/2010, thu hút 3.000 người tham dự tại sân khấu Lan Anh (TP.HCM) và hàng triệu người theo dõi trực tiếp trên 9 đài truyền hình trên cả nước. Gây quỹ mổ mắt cho 400 ca tại An Giang và ủng hộ 200 triệu đồng cho Quỹ Chung một tấm lòng



4

HỘI DIỄN VĂN NGHỆ & HỘI THI KIẾN THỨC HDBANK:

Hội thi kiến thức thu hút 28 đội thi trên toàn hệ thống với những trận tranh tài sôi nổi, quyết liệt. 38 tiết mục của 22 đơn vị tham gia Hội diễn văn nghệ 2010. Đây là những hoạt động truyền thống duy trì hằng năm dành cho CBNV.



5

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI LÊN 96 ĐIỂM:

Mạng lưới hoạt động của HDBank đã được mở rộng, trải dài từ Nam ra Bắc với 96 điểm hoạt động trên toàn quốc. HDBank đã khai trương 31 đơn vị mới, trong đó có 02 chi nhánh (An Giang, Hải Phòng), 25 Phòng giao dịch và 04 Quỹ tiết kiệm.



6



7

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DỊCH VỤ:

Sản phẩm dành cho DN được đẩy mạnh, đặc biệt với chương trình tài trợ xuất khẩu cafe và các gói tài trợ vốn khác. Sản phẩm dành cho KHCN liên tục được ra mắt và cải tiến mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, đặc biệt là các sản phẩm tiết kiệm, khuyến mại thu hút.



TIỀN PHONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ:

Ứng dụng thành công tiện ích mới trên hệ thống core banking, cho phép chuyển tiền ngoài hệ thống. Thẻ HDCard hoàn tất liên kết với 3 liên minh thẻ lớn nhất, có thể thực hiện giao dịch trên tất cả các máy ATM trên toàn quốc...



8

GẦN 5 TỶ ĐỒNG CHO HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI:

HDBank đã trực tiếp đến cứu trợ đồng bào bị thiệt hại do lũ lụt ở Hà Tĩnh và Nghệ An. Thực hiện hơn 450 ca mổ mắt cho người mù nghèo tại Nghệ An, An Giang, xây cầu tại Bến Tre, tặng quà cho người nghèo... với tổng ngân sách gần 5 tỷ đồng.



9

CHUNG TAY XÂY DỰNG HDBANK:

Chương trình động viên CBNV nhiệt tình tham gia tiếp thị khách hàng, đóng góp lớn vào việc tăng trưởng huy động vốn toàn hệ thống. Trong năm 2011 chương trình tiếp tục khởi động với giải thưởng lớn là chuyến du lịch Hồng Kông và nhiều giải thưởng khác.



10



QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Sơ đồ tổ chức

Hội đồng quản trị

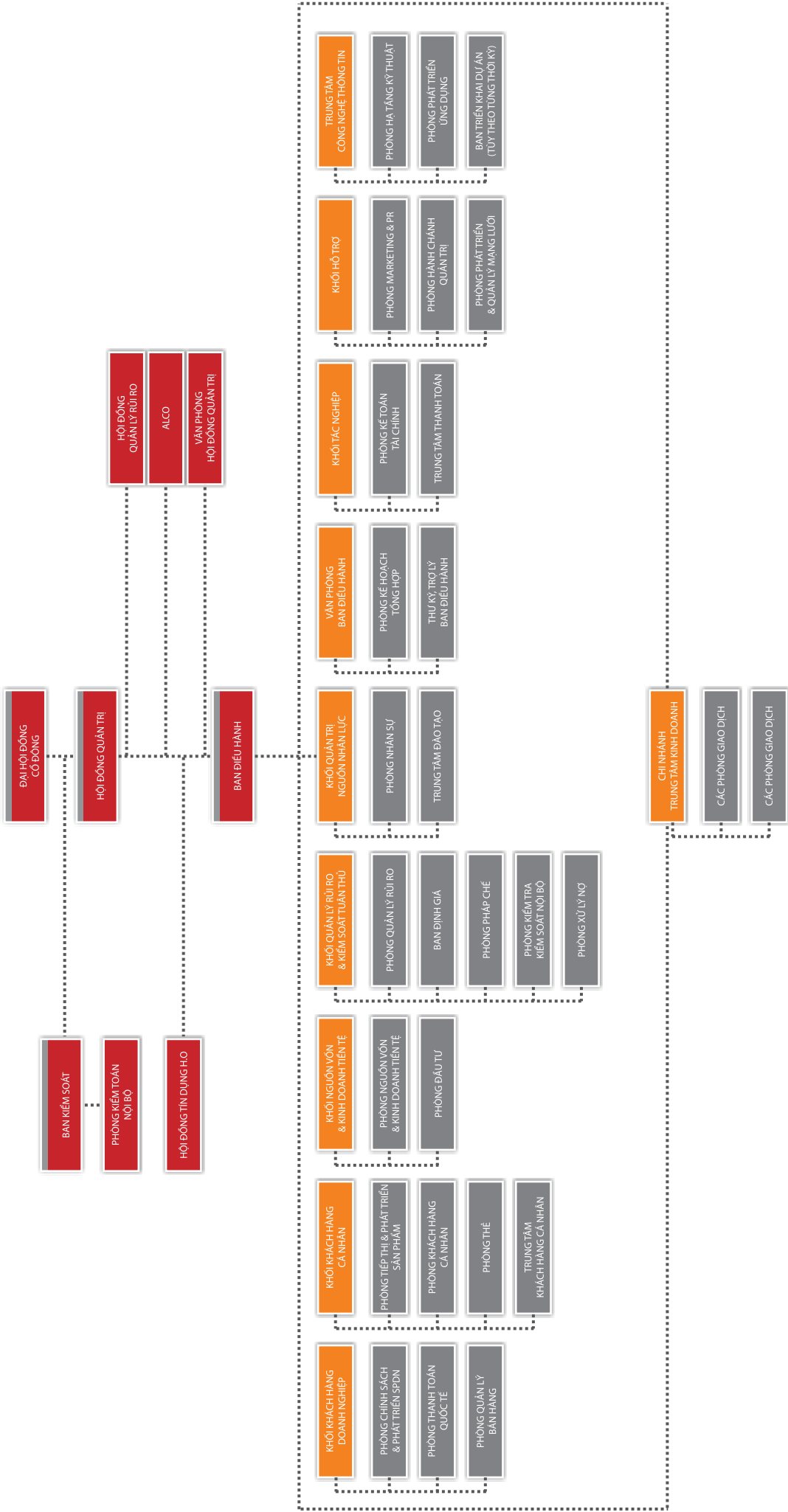
Ban kiểm soát

Ban điều hành

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo của Ban kiểm soát

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA HDBANK





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà LÊ THỊ BĂNG TÂM
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Bà rất thành công trong lĩnh vực quản lý tài chính và ngân sách quốc gia và đặc biệt thành công trong công tác tài chính đối ngoại. Là người đứng đầu HDBank, Bà đã có những đóng góp đáng kể trong các thành quả mà HDBank đã đạt được trong thời gian qua cũng như việc hoạch định chiến lược phát triển ngân hàng trong thời gian tới.

Bà đã từng là Cục trưởng, Tổng giám đốc kho bạc Nhà nước Trung ương - Bộ tài chính. Thứ trưởng, ủy viên Ban cán sự Bộ tài chính, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Bà tốt nghiệp khóa học Quản lý kinh tế cao cấp tại Liên Xô, Tiến sỹ Kinh tế tại Liên Xô chuyên ngành tài chính tín dụng, Chứng chỉ Tài chính quốc tế tại North University London.



Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Phó Chủ Tịch Thường trực
Hội Đồng Quản Trị

Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động kinh tế tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là Tài chính – Ngân hàng, tham gia điều hành một số ngân hàng ở nước ngoài, sáng lập và quản trị một số ngân hàng tại Việt Nam.

Với cương vị là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị HDBank, Bà đã thực hiện nhiều đổi mới, đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của HDBank. Bên cạnh việc kinh doanh hiệu quả, Bà tham gia tích cực trong các tổ chức giáo dục đào tạo, xã hội, từ thiện... với mục đích gắn kết cộng đồng.

Bà là Tiến sỹ Học viện Mendeleev ngành điều khiển học kinh tế, Cử nhân Tài chính tín dụng tại Học viện Thương mại Matcova, Cử nhân ngành Quản lý kinh tế lao động Trường Kinh tế Quốc dân Matcova, Ủy viên sáng lập Viện Hàn Lâm Nghiên cứu Hệ thống Liên Bang Nga.



Ông NGUYỄN HỮU THÀNH
Phó Chủ Tịch Chuyên trách
Hội Đồng Quản Trị

Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản trị, điều hành các Tổng công ty Nhà nước, ông đã tham gia HĐQT và giữ cương vị Chủ tịch HĐQT HDBank trong nhiều năm. Hiện nay ông đang tập trung quản trị điều hành phát triển HDBank trong cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Là người có tầm nhìn chiến lược, ông cùng các thành viên HĐQT & BĐH luôn tìm kiếm cơ hội mới, hoạch định chiến lược kinh doanh hiệu quả, biến thách thức thành cơ hội phát triển.

Ông có bằng Cử nhân Luật, Kỹ sư xây dựng và Cao cấp chính trị.



Ông LƯU ĐỨC KHÁNH
Phó Chủ Tịch Chuyên trách
Hội Đồng Quản Trị

Ông là chuyên gia của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Tham gia vào HĐQT HDBank, ông đã có nhiều định hướng chiến lược cho các hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, công nghệ... nhằm phát triển HDBank trở thành ngân hàng hiện đại tiêu chuẩn quốc tế.

Ông đã từng giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng tại các Ngân hàng như: HSBC, Techcombank, ABBANK... góp phần giúp các ngân hàng này đạt được những thành công vững chắc tại thị trường Việt Nam.

Ông có bằng Cử nhân tại Đại học Bách khoa Lvov (Liên Xô), Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và bằng MBA của Đại học New England (Úc).



Ông LƯU VĂN SƠN
Thành viên Chuyên trách
Hội Đồng Quản Trị

Ông đã đạt nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, công tác đối ngoại trong và ngoài nước. Với khả năng tìm kiếm và nắm bắt những cơ hội kinh doanh, ông hứa hẹn đem đến cho HDBank những thành quả mới, khẳng định bước tiến vượt bậc trong hệ thống Ngân hàng Thương mại tại Việt Nam.

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý thông qua các vị trí chủ chốt tại: Công ty SOVICO ZAO tại Tp. Hồ Chí Minh, Công ty CP Xuất nhập khẩu điện tử VN, Công ty CP Đầu tư Cao su SGS, Công ty CP Sovico Sài Gòn Phú Quốc... Ông là Cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh



Ông NGUYỄN HỮU ĐẶNG
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ông đã có hơn 10 năm gắn bó với HDBank. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, ông thường xuyên đưa ra những hướng đi mới, đem lại kết quả thiết thực cho sự phát triển của HDBank.

Ông từng giữ các vị trí: Cán bộ chuyên quản các Tổ chức Tín dụng ngoài quốc doanh, cán bộ tín dụng... Ông đã có thời gian công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Công Thương.

Ông là Thạc sỹ ngành Ngân hàng.



Bà ĐỖ THỊ HỒNG DUNG
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Bà có nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Bà đã nhiều năm làm việc tại HDBank qua các vị trí như: Trưởng phòng Tín dụng; Phó TGD, Tổng Giám Đốc HDBank. Bà đã có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển của HDBank. Hiện nay Bà là Thành viên Hội Đồng Quản Trị của HDBank chuyên trách công tác chuẩn bị và đào tạo nguồn nhân lực. Bà từng là Cán bộ tại Ngân hàng Nhà nước; Nghiên cứu sinh của Học viện Tài chính Quốc gia LB Nga. Bà có bằng Cử nhân Luật, Tiến sỹ chuyên ngành Tài chính Tín dụng,



Ông DIỆP DŨNG
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp và cả lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Là thành viên Hội đồng Quản trị HDBank, ông đã góp phần đem lại các cơ hội và hỗ trợ hoạt động kinh doanh của HDBank, sát cánh cùng Ban điều hành vạch ra những bước đi cụ thể nhằm đạt kết quả cao nhất cho HDBank.

Ông từng giữ các vị trí quản lý tại các đơn vị: Công ty Liên doanh Xây dựng và Kinh doanh Khu Chế Xuất Tân Thuận, Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp.HCM...

Ông có bằng Thạc sỹ khoa học ngành Tài chính Doanh nghiệp, Lý luận cao cấp chính trị.



BAN KIỂM SOÁT



Ông ĐÀO DUY TƯỜNG

Trưởng Ban kiểm soát

Ông có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính- kế toán. Là một người năng động, vững chuyên môn, ông đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu hoạt động an toàn & hiệu quả theo đúng yêu cầu của HDBank và NHNN. Ông gia nhập Ban kiểm soát HDBank từ năm 2010. Trước đây, ông đã từng là Kế toán trưởng Công ty Sông Hồng - Bộ quốc phòng, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phú An, Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Việt. Ông là Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế Toán.



Bà NGUYỄN THỊ PHỤNG

Thành viên Ban kiểm soát

Bà có 17 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính – Ngân hàng. Bà đã có những đóng góp tích cực trong sự phát triển của HDBank trong nhiều năm qua.

Bà gia nhập HDBank từ năm 2003 với vị trí kiểm soát viên và kiểm toán viên nội bộ. Từ năm 2008, bà là thành viên Ban kiểm soát HDBank.

Bà là Cử nhân chuyên ngành Tiền tệ Tín dụng.



Ông TÔ XUÂN THANH

Thành viên Ban kiểm soát

Ông đã từng nắm giữ nhiều vị trí quản lý cấp cao và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Với những thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, ông đã nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và đã được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Ông là thành viên Ban kiểm soát phụ trách khu vực phía Bắc của HDBank từ năm 2010. Trước đây, ông từng giữ nhiều vị trí quản lý tại: Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Công ty Chứng khoán Âu Việt, Công ty CP Đầu tư NOBLECAPITAL.

Ông là Tiến sỹ Kinh tế/ Cao học Tài chính Ngân hàng MEBF (Pháp)



BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN HỮU ĐẶNG
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
kiêm Tổng Giám đốc
(xem mục Hội đồng Quản trị)

Ông NGUYỄN MINH ĐỨC
Phó Tổng Giám Đốc
Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý điều hành tổ chức tài chính tín dụng. Ông đã đóng góp vào nhiều thành công của HDBank, đặc biệt là trong các lĩnh vực Quản lý rủi ro, Kiểm soát tuân thủ...
Ông nguyên là Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Hàng Hải, đã từng giữ các chức vụ cao ở một số ngân hàng tại Việt Nam.
Ông là Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Luật



Ông NGUYỄN MẠNH QUÂN
Phó Tổng Giám Đốc
Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Là một người năng động, ông luôn có nhiều sáng kiến đổi mới, tích cực tham gia Ban xây dựng chiến lược kinh doanh của Ngân hàng... Ông đã góp phần xây dựng và phát triển các khối/ phòng/ ban hỗ trợ để đảm bảo an toàn và hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của HDBank. Bên cạnh đó, ông còn chịu trách nhiệm phát triển, quản lý hoạt động kinh doanh của các điểm giao dịch trong phạm vi khu vực bổ nhiệm.
Ông từng giữ các chức vụ quản lý quan trọng tại các ngân hàng: HSBC, Citibank, SeABank...
Ông là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Ông LÊ THANH TÙNG
Phó Tổng Giám Đốc
Ông đã gắn bó với HDBank hơn 12 năm qua các chức vụ như: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc khu vực. Với năng lực lãnh đạo và sự nhạy bén, ông đã quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh của các CN/PGD trong phạm vi khu vực, đóng góp không nhỏ vào công tác mở rộng mạng lưới hoạt động, góp phần vào sự tăng trưởng vượt bậc của HDBank trong thời gian qua.
Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc, quản lý trong các công ty tài chính, ngân hàng trước khi gia nhập HDBank.
Ông là Cử nhân kinh tế và Cử nhân Luật



Bà NGUYỄN ĐOÀN DUY ÁI
Phó Tổng Giám Đốc
Bà là một người phụ nữ năng động, tự tin và giàu kiến thức trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Trong suốt thời gian gắn bó với HDBank, Bà đã có đóng góp không nhỏ vào thành công của ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực Kinh doanh tiền tệ, đảm bảo an toàn thanh khoản cho toàn hệ thống, đóng góp vào thành công của HDBank hôm nay. Hiện tại, Bà đang quản lý phát triển các đơn vị trong khu vực Tp.HCM, kiêm Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn.
Trước khi đến với HDBank, Bà đã từng công tác nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và tài chính ngân hàng tại Techcombank.
Bà là Cử nhân ngành Tín dụng Ngân hàng

Ông LÊ HỒNG SƠN
Phó Tổng Giám Đốc
Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán. Ông từng làm việc trong hầu hết tất cả các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại. Ông còn là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và luôn đi đầu trong đổi mới sáng tạo để ứng dụng vào công tác quản trị các hoạt động tài chính, ngân hàng, đưa HDBank trở thành một trong các ngân hàng tiên phong triển khai các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, tiện ích.
Bên cạnh đó, ông còn giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn, luôn đi đầu trong công tác chăm lo hỗ trợ đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV HDBank.
Ông từng giữ các vị trí quan trọng tại Vietcombank, Công ty chứng khoán Phú Gia...
Ông là Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh





Ông ĐÀM THẾ THÁI

Phó Tổng Giám Đốc

Ông am hiểu thị trường bán lẻ tại Việt Nam, năng động, sáng tạo. Ông đã góp phần xây dựng và phát triển hoạt động của Khối khách hàng cá nhân HDBank, đẩy mạnh các công tác liên kết hợp tác của Ngân hàng với các đối tác trong và ngoài nước. Thêm vào đó, ông còn chịu trách nhiệm đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, xây dựng HDBank trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại.

Trước khi gia nhập HDBank, ông đã từng công tác tại các ngân hàng quốc tế tại Việt Nam như ANZ, HSBC và các ngân hàng trong nước như: ACB, ABBank.

Ông tốt nghiệp Học viện Ngân hàng và là MBA của trường Solvay Business School.



Ông PHẠM THIÊN LONG

Phó Tổng Giám Đốc

Ông có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – ngân hàng. Với những kiến thức đa dạng về thị trường Việt Nam, ông đã góp phần xây dựng và phát triển hoạt động của Khối khách hàng doanh nghiệp HDBank, đẩy mạnh hợp tác giữa HDBank với những đơn vị lớn, uy tín trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, ông cũng chịu trách nhiệm đa dạng các sản phẩm dịch vụ, hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp Việt Nam, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Ông từng nắm giữ các vị trí quan trọng tại những ngân hàng như: HSBC, ACB, ABBANK...

Ông tốt nghiệp Cao học về Quản lý Quốc tế của Trường Quản lý ESCP-EAP, Pháp và là Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Trường Quản lý AIT ở Thái Lan. Ông cũng trải qua những khóa đào tạo và làm việc ngắn hạn tại hơn 20 nước trên thế giới (Mỹ, Pháp, Canada...).



Ông Phạm Văn Đầu

Giám Đốc Tài Chính

Ông có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong đó, ông am hiểu và nắm vững các nghiệp vụ về tín dụng, kế toán, tài chính, nguồn vốn và kế hoạch. Ông là người nắm giữ nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực tài chính của Ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của HDBank.

Ông là Thạc sỹ kinh tế.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của HDBank trong năm 2010

Trong năm 2010, cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu vào năm 2009 vẫn tiếp tục lan rộng và tác động đến nhiều ngành nghề của nước ta, lĩnh vực tài chính ngân hàng cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó. Trước tình hình đó, Ngân hàng Nhà nước đã có những giải pháp nói rộng chính sách tiền tệ, lãi suất thị trường được điều chỉnh theo hướng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời kiến nghị Thủ tướng Chính phủ gia hạn hiệu lực áp dụng vốn điều lệ mới đến hết 31/12/2011 nhằm giải tỏa áp lực tăng vốn điều lệ đối với các NHTM. Nhờ vậy, ngành ngân hàng của Việt Nam vẫn duy trì được thể hoạt động an toàn, ổn định và tăng trưởng khả quan.

Riêng đối với HDBank, bên cạnh việc phải chịu ảnh hưởng bởi những khó khăn và thách thức trong môi trường hoạt động kinh doanh, HDBank còn đứng trước sức ép cạnh tranh lớn từ các ngân hàng bạn.

Trước tình hình đó, HĐQT đã đoàn kết, cùng nhau thống nhất các định hướng chủ đạo xây dựng chiến lược toàn diện cho HDBank trong đó xác định rõ các nội dung cơ bản của chiến lược phát triển đặt ra bao gồm:

- (i) Xây dựng kế hoạch kinh doanh chiến lược
- (ii) Tái cấu trúc toàn diện mô hình tổ chức hoạt động
- (iii) Xây dựng hạ tầng quản trị rủi ro
- (iv) Xây dựng mô hình quản trị tài chính hiệu quả
- (v) Nâng cấp và phát triển công nghệ thông tin
- (vi) Quản trị và phát triển nguồn nhân lực
- (vii) Tăng cường năng lực quản lý tài sản nợ có
- (viii) Chiến lược xây dựng thương hiệu
- (ix) Chiến lược mở rộng kênh phân phối (mở rộng chi nhánh, phát triển sản phẩm, ATM, Cards)
- (x) Chiến lược liên doanh liên kết.

Đồng thời, HĐQT luôn theo dõi sát sao và đánh giá ảnh hưởng tình hình biến động của thị trường để chỉ đạo kịp thời, nhanh chóng tổ chức thực hiện các giải pháp thích

hợp. Sự chỉ đạo đúng đắn của HĐQT cùng với nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ nhân viên HDBank đã đem lại kết quả kinh doanh hết sức khả quan. Trong năm 2010, hầu hết các chỉ tiêu hoạt động đều vượt kế hoạch năm mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Đánh giá của HĐQT về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2009:

Trên cơ sở các mục tiêu hoạt động tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009, HDBank đã hoàn thành xuất sắc các hoạt động trọng tâm sau:

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỉ đồng;
- Thực hiện việc tái cấu trúc toàn diện bộ máy hoạt động của HDBank;
- Xây dựng và giao chỉ tiêu kinh doanh theo 3 Khối: Khách hàng doanh nghiệp, Khách hàng cá nhân, Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ;
- Triển khai chiến lược Ngân hàng bán lẻ, đa năng, hiện đại;
- Thực hiện quản trị rủi ro và xây dựng các hệ thống quản trị nội bộ
- Thực hiện chương trình hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, triển khai các sản phẩm dịch vụ công nghệ ngân hàng điện tử, công nghệ Thẻ thông minh
- Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, mở rộng mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước
- Đầu tư, góp vốn liên doanh, mua cổ phần tại các công ty có lợi nhuận cao; thành lập các công ty trực thuộc HDBank;
- Nâng cao công tác nhân sự và hoàn thiện công tác quản lý cổ đông, công bố thông tin.

Các hoạt động này sẽ tạo nền tảng vững chắc để HDBank triển khai chiến lược phát triển kinh doanh 2011 – 2016 hướng đến mục tiêu trở thành một trong các Ngân hàng Thương mại lớn nhất trong 3 – 5 năm tới.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với mục tiêu kiểm soát là khâu then chốt trong quản lý, Ban kiểm soát đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ tài sản cho cổ đông và xã hội, đảm bảo ngân hàng hoạt động hiệu quả đúng hướng, cung cấp các số liệu báo cáo tài chính và báo cáo quản trị đáng tin cậy và cập nhật.

Năm 2010 vừa qua, công tác kiểm soát đã được kiện toàn và có kế hoạch hoạt động chi tiết, cụ thể, áp dụng một số phương pháp mới trong quá trình kiểm tra, kiểm soát, cụ thể như:

- Thành lập các đoàn hỗn hợp trong công tác kiểm tra, kiểm toán.
- Thực hiện kiểm tra bất thường, đột xuất vào kế hoạch kiểm tra với tần suất cao.
- Xác định các điểm then chốt trong công tác kiểm toán và hệ thống kế toán là một mắt xích quan trọng của cơ chế kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tập trung sử dụng phương pháp đánh giá toàn diện các rủi ro, khoanh vùng các quy trình tập trung các rủi ro có chỉ số cao để đưa vào kế hoạch kiểm tra, kiểm toán trong năm. Song song đó là việc kiểm soát chặt chẽ các yếu tố chi phí đầu vào, có tính chủ quan trọng hoạt động, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

Ban kiểm soát đã sử dụng bộ máy kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện công tác kiểm toán, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật, xây dựng các chỉ tiêu định lượng cho công tác kiểm toán như:

- Kiểm tra tại chỗ theo đoàn trên 70% các đơn vị trên toàn hệ thống.
- Thực hiện việc kiểm tra đột xuất 200 cuộc/01 năm.
- Xây dựng từ 4 đến 6 chuyên đề kiểm tra trên toàn hệ thống trong 01 năm.

Bên cạnh đó, Ban kiểm soát còn thường xuyên thực hiện là các công tác khác như:

- Góp ý chỉnh sửa văn bản, qui định, qui trình các vướng mắc trong quá trình kinh doanh.
- Họp giao ban, họp nội bộ về các vấn đề chuyên môn nhằm tăng cường kiến thức và kinh nghiệm; Đánh giá, chỉ đạo các công việc đã thực hiện trong năm kế hoạch và trọng tâm công việc theo tình hình thực tế.

Thông qua kết quả kiểm soát các hoạt động, Ban kiểm soát đã đưa ra nhiều kiến nghị và cảnh báo phù hợp, nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng của công tác Quản trị Ngân hàng, thực hiện đúng, hiệu quả các nhiệm vụ của Ban góp phần đảm bảo hoạt động của Ngân hàng an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2010

Tình hình thị trường tài chính tiền tệ năm 2010

Thuận lợi, khó khăn và các giải pháp thực hiện của HDBank

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo các hoạt động khác:

- Thanh toán trong nước & ngân quỹ
- Công nghệ ngân hàng
- Quản trị rủi ro
- Quản trị & phát triển nguồn nhân lực
- Quản trị thương hiệu
- Hoạt động cộng đồng, đoàn thể

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG TẠI CHINA NĂM 2010

Năm 2010 là năm đầy biến động về lãi suất của các ngân hàng. Tuy nhiên với những biện pháp can thiệp tích cực của Ngân hàng Nhà nước như: điều chỉnh mua, bán ngoại tệ ở mức hợp lý để điều tiết cung-cầu ngoại tệ, tăng tính thanh khoản cho thị trường, hỗ trợ ngoại tệ cho nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất trong nước, cho phép nhập khẩu vàng trở lại, giá kim loại quý giảm dần, kéo theo giá USD trên thị trường tự do cũng hạ nhiệt. Năm 2010 cũng là năm thị trường vàng bùng nổ. Mặc dù tỷ suất lợi nhuận đầu tư vào vàng năm qua đạt khoảng 38%. Tuy nhiên, điều này về tổng thể không có lợi cho nền kinh tế, bởi nó không những không tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, mà còn góp phần làm méo mó dây chuyền sang các thị trường khác như USD, nhà đất và chứng khoán...

Bên cạnh đó, một số tổ chức tín dụng chưa thực hiện đúng các tỷ lệ về an toàn kinh doanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bị rủi ro về kỳ hạn giữa cho vay và huy động vốn. Thị trường tiền tệ có biểu hiện chưa ổn định, tính liên kết và tương trợ trong hệ thống còn hạn chế, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh và thiếu minh bạch khá phổ biến làm cho khách hàng gửi tiền thiếu lòng tin, mặc cả về lãi suất.

Ngoài ra, thị trường tiền tệ liên thông với thị trường chứng khoán, bất động sản, ngoại hối nhưng các thị trường này chưa ổn định, có nhiều hiện tượng đầu cơ, ảnh hưởng đến cung-cầu vốn và lãi suất.

Với tình hình hoạt động toàn ngành nêu trên, HDBank cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh:

1. THUẬN LỢI:

Có những giải pháp khắc phục khó khăn của NHNN thông qua chính sách tiền tệ.

Có sự chỉ đạo thường xuyên kịp thời của HĐQT, sự năng động của Ban Điều hành, nỗ lực của toàn thể CBNV.

Thương hiệu HDBank ngày càng khẳng định tính chuyên nghiệp, quan hệ ngân hàng ngày càng mở rộng.

Bộ máy tổ chức đã dần ổn định, mô hình tổ chức mới được triển khai hoạt động mang lại nhiều kết quả tốt.

Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ, tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ.

Hệ thống CNTT hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

Triển khai thành công đợt phát hành 2.300 tỉ đồng trái phiếu trung và dài hạn cho các doanh nghiệp và cá nhân.

Việc tăng đủ vốn điều lệ là cơ sở khẳng định tiềm lực tài chính và sự phát triển bền vững của HDBank.

2. KHÓ KHĂN:

Việc đóng cửa các sàn giao dịch vàng và đóng tài khoản giao dịch vàng ở nước ngoài theo qui định của Nhà nước đã gián tiếp làm giảm lợi nhuận từ hoạt động dịch vụ của Ngân hàng.

Chạy đua lãi suất huy động giữa các ngân hàng dẫn đến chênh lệch lãi suất bình quân giữa đầu vào và đầu ra bị giảm xuống theo tình hình chung của thị trường.

Do một số nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan nên việc tăng vốn chậm hơn kế hoạch.

Mặc dù các tỉ lệ về hệ số an toàn của HDBank luôn đạt, tuy nhiên do ảnh hưởng từ Thông tư số 13 của NHNN đã làm hạn chế các khoản cho vay của các công ty chứng khoán và vay nhằm mục đích kinh doanh bất động sản.

Cạnh tranh thị phần của các ngân hàng đang diễn ra khá quyết liệt, vì mục tiêu chiến lược của các NHTM Việt Nam đều tương đối giống nhau là đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng mạng lưới hoạt động.



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CỦA HDBANK TRONG NĂM 2010

Mặc dù có nhiều khó khăn thách thức nhưng nhờ sự chỉ đạo thường xuyên kịp thời của HĐQT, sự điều hành năng động, quyết đoán của Ban Điều hành, HDBank đã thực hiện các giải pháp đạt được kết quả kinh doanh vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2010 như sau:

Tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo giới hạn an toàn của hoạt động ngân hàng.

Triển khai các sách lược ngắn hạn để thích ứng với diễn biến của thị trường.

Bám sát các định hướng chủ đạo trong năm 2010, triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể.

Phát huy tối đa lợi thế, tiềm lực của HDBank trong các hoạt động truyền thống.

Đẩy mạnh chiến lược phát triển định hướng xây dựng ngân hàng bán lẻ.

Đột phá mạnh trong huy động vốn, xem nhiệm vụ huy động là trọng tâm ưu tiên phát triển để làm nền tảng cho mọi hoạt động kinh doanh khác tăng trưởng và phát huy hiệu quả, trong đó, xây dựng chính sách lãi suất, đặc biệt lãi suất điều chuyển vốn linh hoạt, hấp dẫn để tạo động lực kích thích các đơn vị tìm kiếm và tăng trưởng nguồn huy động; xây dựng cơ chế lãi suất huy động từ TCKT một cách linh hoạt, cạnh tranh và tạo được hiệu quả nhưng vẫn dung hòa giữa lợi ích của khách hàng và đảm bảo lợi ích của HDBank.

Tận dụng nguồn huy động từ thị trường 2 để đẩy mạnh đầu tư vốn mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu Doanh nghiệp, trái phiếu Ngân hàng và kinh doanh ngoại hối.

Linh hoạt trong việc hoán đổi nguồn vốn kinh doanh, sử dụng nguồn vốn huy động có hiệu quả; khai thác và quay vòng nguồn vốn, tài sản hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động giao dịch trên thị trường tiền tệ với Ngân hàng Nhà nước.

Thực hiện tốt hoạt động thông tin, truyền thông về sản phẩm dịch vụ của HDBank, xây dựng và quảng bá hình ảnh, thương hiệu trong nội bộ cũng như trên thị trường.

Thực hiện giám sát quản lý rủi ro trong công tác tín dụng: kiểm soát chất lượng giải ngân, tăng cường công tác thu hồi nợ xấu...

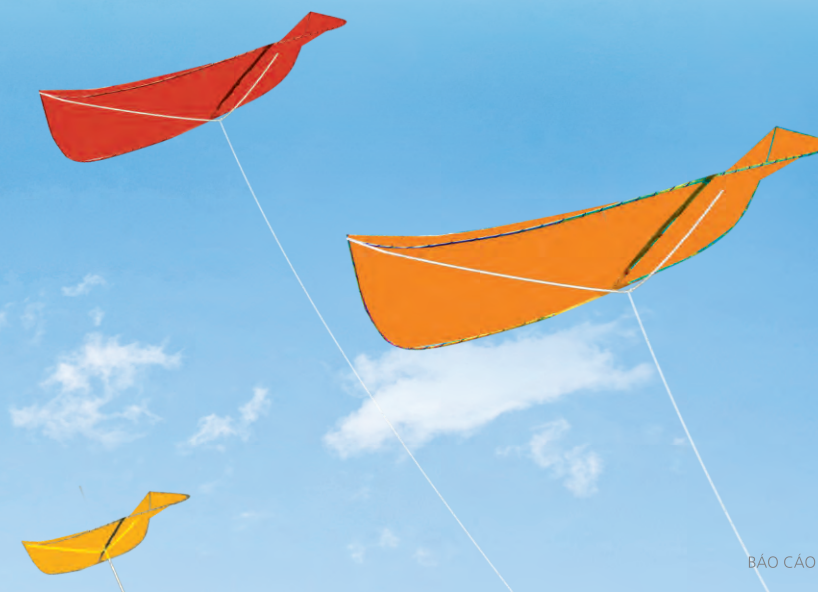
Mở rộng mạng lưới trên cơ sở khoanh vùng phát triển cho từng Chi nhánh, cân nhắc kỹ lưỡng về điểm mạnh và điểm yếu để phát triển lâu dài.

Thực hiện đổi mới, hiện đại hóa công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong kinh doanh và hỗ trợ công tác quản trị, điều hành.

Ban hành quy trình, quy chế phù hợp với quy định của pháp luật, hướng tới theo chuẩn mực quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng.

Tăng cường giám sát, kiểm tra kiểm toán nội bộ.

Đào tạo nguồn nhân lực chủ chốt và công tác đào tạo cho toàn thể CBNV nhằm nâng cao nghiệp vụ cũng như cập nhật kiến thức về qui định pháp luật.



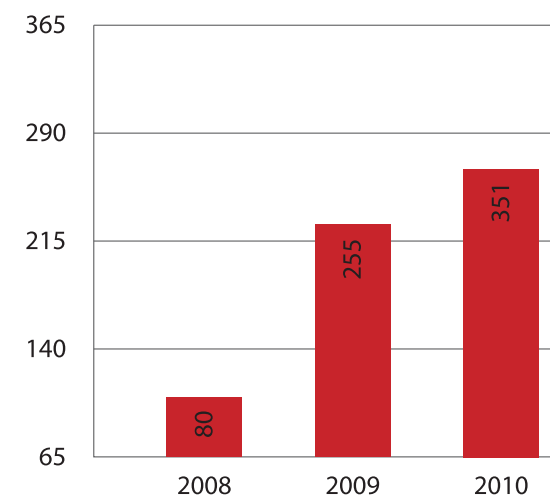
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010

Trong bối cảnh khó khăn của kinh tế toàn cầu, dù nội lực nền kinh tế còn chưa mạnh, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng 6,78%, cao hơn chỉ tiêu kế hoạch đề ra (6,5%). Trước tình hình đó, HDBank cũng đã thích ứng và đạt được kết quả hoạt động kinh doanh khả quan như sau:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2010	Năm 2009	Năm 2010	SO SÁNH NĂM 2009		% THỰC HIỆN SO KẾ HOẠCH
				Mức (+,-)	Tỉ lệ (+,-)	
Tổng tài sản	25.000	19.127	34.389	15.453	79,79%	137,56%
Số dư huy động	21.000	17.119	30.494	13.375	78,13%	145,21%
- Huy động thị trường 1	15.000	11.798	21.057	9.259	78,48%	140,38%
- Huy động thị trường 2	6.000	5.321	9.437	4.116	77,35%	157,28%
Dư nợ	10.500	8.231	11.728	3.497	42,49%	111,70%
Nợ xấu	2%	1,1%	0,83%	- 0,27%		-1,17%
Lợi nhuận trước thuế	300	255	351	96	37,65%	117%
ROA	1,02%	1,54%	1,13%		-0,41%	
ROE	11,8%	12%	16,98%		4,04%	
Phát triển mạng lưới	90	65	96	31	47,69%	107%
Tỉ lệ thu phí tín dụng	30%/TTN	49,49%	54.59%		5,1%	
Tỉ lệ an toàn vốn (CAR)	18,5%	15,67%	12,71%			

LỢI NHUẬN:

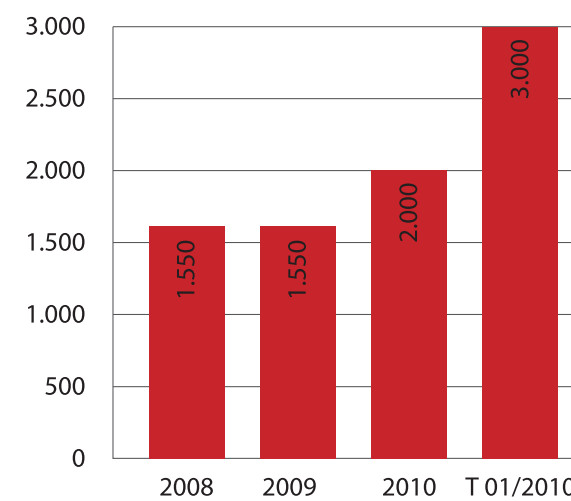
Lợi nhuận trước thuế năm 2010 đạt 351 tỉ đồng, tăng 37,65% so với năm 2009, vượt 17% so với kế hoạch Đại hội Cổ đông năm 2009 thông qua.
Lợi nhuận ròng đạt 269 tỉ đồng



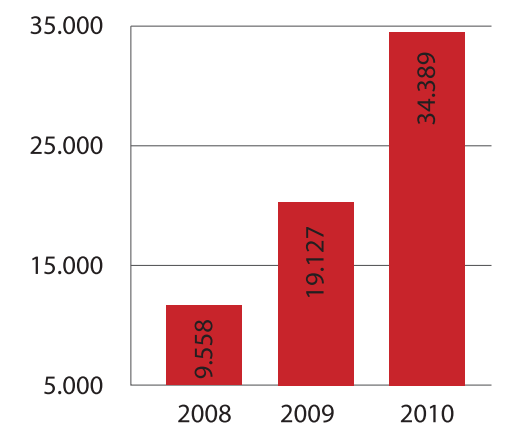
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (ĐVT: tỷ VNĐ)

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG

Vốn điều lệ HDBank đã đạt mức 2.000 tỉ đồng trước 31/12/2010 và nâng lên 3.000 tỉ đồng (tháng 1/2011). Tổng tài sản cuối năm 2010 đạt 34.389 tỉ đồng, tăng 79,79% so với năm 2009, vượt 37,56% so kế hoạch năm 2010.



VỐN ĐIỀU LỆ (ĐVT: tỷ VNĐ)



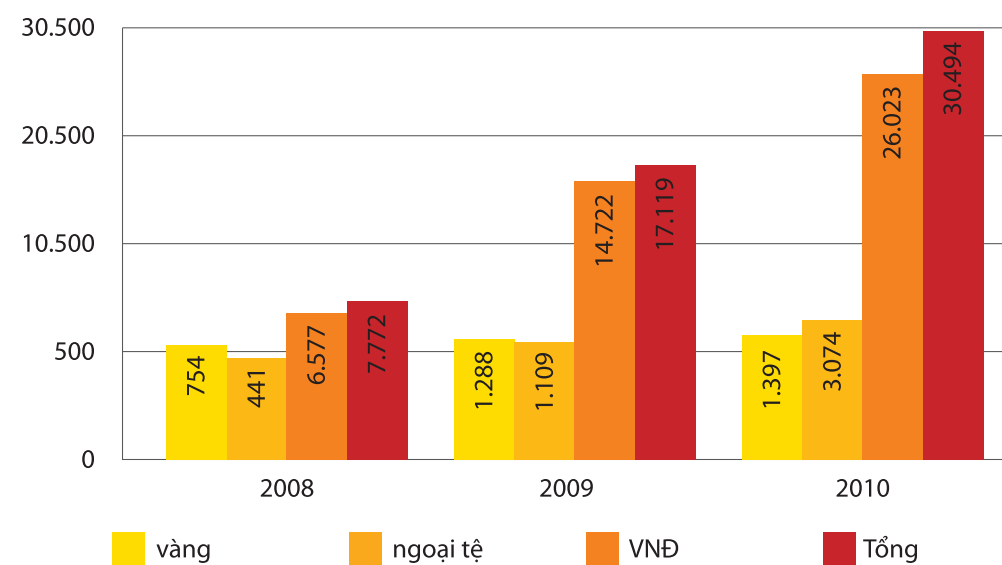
TỔNG TÀI SẢN (ĐVT: tỷ VNĐ)

HUY ĐỘNG VỐN

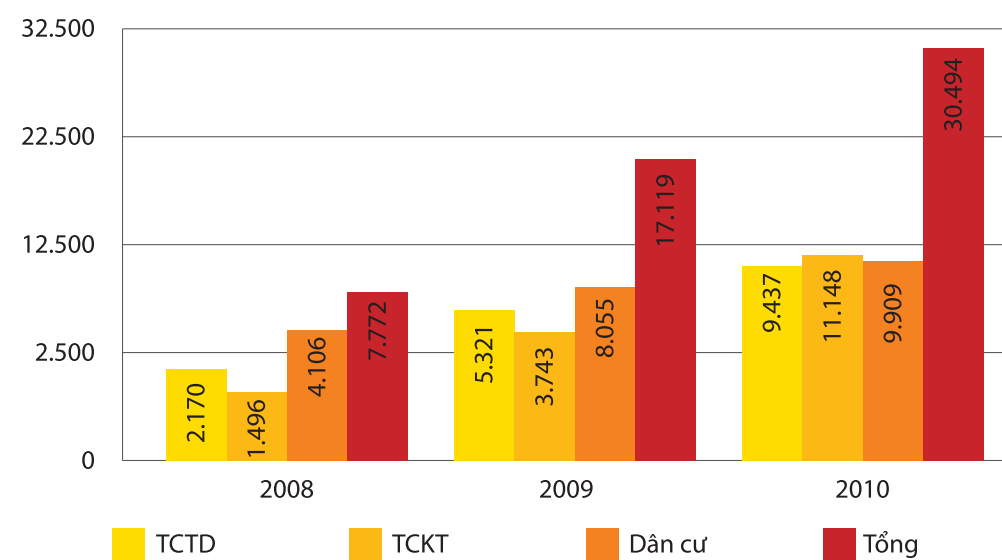
Thực hiện đúng định hướng huy động là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên phát triển để làm nền tảng cho mọi hoạt động kinh doanh khác tăng trưởng và phát huy hiệu quả, HDBank luôn sáng tạo, đa dạng hóa các sản phẩm tiết kiệm mang nhiều tiện ích và linh hoạt hơn cho khách hàng như: Gửi tiền đầu xuân- trúng ngay nhà mới, Tiết kiệm hè-Quà thỏa thích, Tiết kiệm đa lợi, Tài khoản linh hoạt; Gửi tiền ngày tết - nhận lộc phát tài... Đồng thời, tăng cường công tác quan hệ về nguồn vốn với các ngân hàng bạn, nhằm tăng cường hiệu quả huy động nguồn vốn rẻ.

Tổng huy động vốn đạt 30.494 tỉ đồng trong năm 2010, tăng 78,13% so với năm 2009, vượt 45,21% kế hoạch cả năm. Trong đó:

- Huy động từ tổ chức kinh tế chiếm 11.148 tỉ đồng, từ dân cư chiếm 9.909 tỉ đồng và từ tổ chức tín dụng chiếm 9.437 tỉ đồng.



HUY ĐỘNG THEO LOẠI TIỀN (ĐVT: tỷ VNĐ)



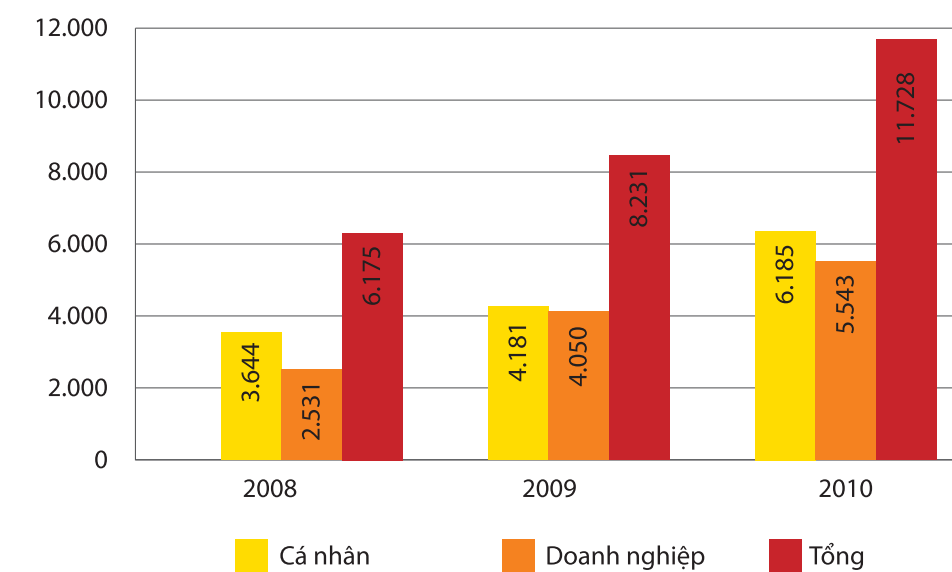
HUY ĐỘNG THEO THÀNH PHẦN (ĐVT: tỷ VNĐ)

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

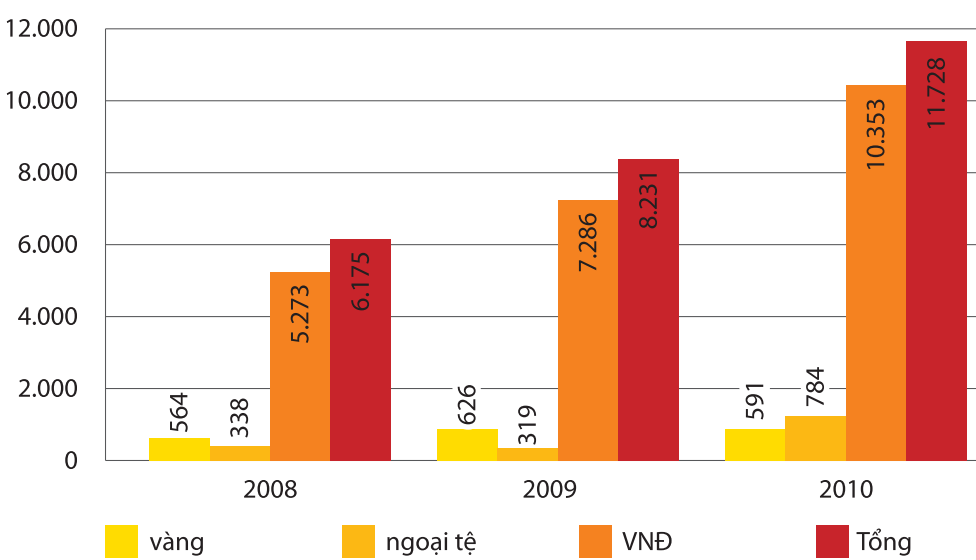
Với phương châm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, HDBank chủ động điều chỉnh các chính sách tín dụng kịp thời, phù hợp với diễn biến của thị trường và sự thay đổi chính sách của Nhà nước. Trong đó, chú trọng hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngành nghề xuất nhập khẩu, ưu đãi tối đa cho các khoản vay tài trợ hàng xuất nhập khẩu như không cần tài sản đảm bảo, miễn giảm các phí dịch vụ, thời gian giải quyết hồ sơ và giải ngân nhanh chóng. Triển khai gói sản phẩm phục vụ cho khách hàng xuất nhập khẩu như: cho vay đảm bảo bằng chính hàng hóa, và sản phẩm dịch vụ của khách hàng, sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp VND theo lãi suất USD, tham gia vào các dự án hỗ trợ tín dụng trong nước và quốc tế...

Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng, hướng tới tập trung vào kênh bán lẻ, phát triển sản phẩm truyền thống và tập trung dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân như vay tiêu dùng, vay du học, ứng trước tài khoản...

Tổng dư nợ đến cuối năm 2010 đạt 11.728 tỉ đồng, tăng 42,49% so với năm 2009, vượt 11,7% kế hoạch cả năm 2010, trong đó, khách hàng cá nhân chiếm 6.185 tỉ đồng và khách hàng doanh nghiệp chiếm 5.543 tỉ đồng. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt ở mức 0,83%.



DƯ NỢ THEO LOẠI HÌNH (ĐVT: tỷ VNĐ)



DƯ NỢ THEO LOẠI TIỀN (ĐVT: tỷ VNĐ)

THANH TOÁN QUỐC TẾ

Dịch vụ thanh toán quốc tế phải chịu nhiều ảnh hưởng của tình hình ngoại tệ khan hiếm, hạn chế khả năng đáp ứng nguồn ngoại tệ để phục vụ nhu cầu nhập khẩu cho khách hàng. Tuy nhiên, với sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Ban Lãnh Đạo cùng sự năng động của đội ngũ nhân sự, HDBank đã vượt qua khó khăn và đạt được những kết quả khả quan.

Tổng doanh số hoạt động tài trợ thương mại đạt 260,47 triệu USD trong năm 2010, tăng 195% so với năm 2009. Tổng doanh thu về nghiệp vụ thanh toán quốc tế đạt 26 tỉ đồng tăng 140,7% so với năm 2009. Hơn nữa, HDBank đã thiết lập quan hệ đại lý gần 250 ngân hàng và chi nhánh tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Việc hiện đại hóa công nghệ thông tin và chuẩn hóa các giao dịch theo tiêu chuẩn quốc tế đã mang lại sự gia tăng đáng kể lượng khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán quốc tế tại HDBank. HDBank cũng đã được các ngân hàng lớn trên giới trao tặng giải thưởng ngân hàng thực hiện nghiệp vụ chuẩn xác như Well Fargo Bank, CitiBank..., được công nhận là thành viên chính thức của 2 hệ thống thanh toán bù trừ của Châu Âu là TARGET 2 và EBA.

Định hướng hoạt động năm 2011, HDBank sẽ tăng cường đẩy mạnh tài trợ cho khách hàng xuất khẩu nhằm thu hút nguồn ngoại tệ về phục vụ cho khách hàng nhập khẩu, cân đối giữa cung và cầu, ổn định hoạt động thanh toán quốc tế. Bên cạnh các sản phẩm tài trợ thương mại, HDBank sẽ tập trung phát triển các sản phẩm thanh toán quốc tế khác như: chuyển tiền du học, chuyển tiền cho thân nhân ở nước ngoài, chuyển tiền đi định cư, du lịch, chữa bệnh... Trong năm 2011, doanh thu từ nghiệp vụ thanh toán quốc tế hứa hẹn sẽ chiếm tỉ trọng đáng kể trong tổng doanh thu từ nghiệp vụ phi tín dụng của HDBank.

KINH DOANH TIỀN TỆ

Hoạt động kinh doanh tiền tệ là một trong những hoạt động mũi nhọn và mang lại thu nhập lớn cho HDBank trong năm 2010. Hoạt động kinh doanh tiền tệ bao gồm nghiệp vụ kinh doanh nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ và vàng. Trong năm 2010, hoạt động kinh doanh tiền tệ đã đạt được kết quả cụ thể như sau: Lợi nhuận hoạt động nghiệp vụ đạt 261 tỉ đồng.

Cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thanh khoản và khả năng chi trả; đảm bảo uy tín và vị thế của HDBank trên thị trường ngày càng được nâng cao. Có thể nói năm 2010 là năm thành công của HDBank trong việc điều hành và đảm bảo thanh khoản tại bất kỳ thời điểm nào trong khi thị trường tiền tệ có nhiều diễn biến phức tạp.

Đa dạng hóa các hình thức kinh doanh vốn, khai thác tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trên thị trường, phát triển và triển khai các sản phẩm kinh doanh tiền tệ, từng bước triển khai áp dụng các công cụ phái sinh.

Quan hệ giao dịch nguồn vốn và kinh doanh ngoại hối đối với các đối tác trên thị trường ngày càng được đẩy mạnh.

Linh hoạt trong việc hoán đổi nguồn vốn kinh doanh, sử dụng nguồn vốn huy động có hiệu quả; khai thác và quay vòng nguồn vốn, tài sản hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động giao dịch trên thị trường tiền tệ nhằm điều tiết thanh khoản và sử dụng tài sản hiệu quả.

Nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, tận dụng tối đa các cơ hội kinh doanh tiền tệ.

Các quy trình nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ đã được xây dựng đầy đủ và phù hợp, theo hướng hiện đại và quản lý rủi ro hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tạo điều kiện cho phát triển kinh doanh.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Từ diễn biến bất lợi của thị trường chứng khoán năm trước, trong năm 2010 HDBank chủ yếu tập trung vào hoạt động đầu tư tài chính đã mang lại hiệu quả đầu tư cao.

Tính đến 31/12/2010, Tổng đầu tư kinh doanh chứng khoán đạt 7.713 tỉ đồng, trong đó:

Đầu tư Trái phiếu chính phủ & Giấy tờ có giá tại các tổ chức đạt 7.543 tỉ đồng, chiếm 97,8%/ tổng đầu tư, tăng 178% so với năm 2009

Hùn vốn liên doanh mua cổ phần: 170 tỉ đồng, chiếm 2,2% tổng đầu tư, tăng 143% so với năm 2009

Trong năm 2010, HDBank đã thành lập Phòng đầu tư, phụ trách xây dựng các phương án đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp mang lại hiệu quả cao, đa dạng hóa các mô hình đầu tư.

THANH TOÁN TRONG NƯỚC & NGÂN QUỸ

Năm 2010 đánh dấu sự thành công lớn của HDBank về việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động thanh toán trong nước và ngân quỹ của ngân hàng, đảm bảo các giao dịch luôn thông suốt, nhanh chóng và chuẩn xác nhất. HDBank đã ứng dụng công nghệ Core Banking và triển khai thành công các dịch vụ SMS Banking, Ebanking, Mobile Banking... cho phép chuyển tiền trong và ngoài hệ thống nhanh chóng và bảo mật tuyệt đối, kết nối thành công với các website thanh toán trực tuyến, khách hàng có thể thực hiện giao dịch mua sắm, chuyển tiền 24/7 một cách nhanh chóng, tiện lợi chỉ bằng tin nhắn.

Hòa cùng xu thế phát triển hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt, sản phẩm Thẻ thông minh HD Card ra đời vào tháng 3/2010 với nhiều ưu điểm nổi bật, không chỉ sử dụng cho giao dịch rút tiền tại các máy ATM mà có thể thực hiện thanh toán các chi phí sinh hoạt hằng ngày như: tiền điện, tiền nước, nạp tiền và thanh toán cước điện thoại, thanh toán vé máy bay... Đặc biệt, đối với khách hàng doanh nghiệp, HDBank triển khai dịch vụ chi hộ lương miễn phí thông qua tài khoản HD Card và nhiều mức phí ưu đãi/ miễn phí cho nhân viên và doanh nghiệp khi sử dụng các dịch vụ ngân hàng hiện đại khác.

Song song đó, HDBank cũng đã đổi mới cơ cấu hoạt động, đầu tư bộ mặt kang trang và chuyên nghiệp hơn, phân tách khu vực phục vụ theo từng khối cá nhân và doanh nghiệp, phát triển đội ngũ giao dịch viên trẻ, năng động sẵn sàng phục vụ khách hàng với thao tác nhanh chóng, chuẩn xác theo kênh giao dịch ngân hàng truyền thống. Bên cạnh đó, với tính ưu việt của giao dịch trực tuyến trên toàn hệ thống, khách hàng của HDBank có thể đến giao dịch tại bất kỳ điểm giao dịch nào mà không cần đến đúng đơn vị quản lý tài khoản.

HDBank tiếp tục hoàn thiện các dịch vụ ngân quỹ truyền thống như thu, chi hộ tiền mặt tại nơi yêu cầu của khách hàng, chi hộ lương cho các doanh nghiệp, thanh toán hóa đơn định kỳ cho các khách hàng, từ đó đạt thêm nhiều thành tựu trong việc cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng nói chung và dịch vụ thanh toán nói riêng.

Kết quả hoạt động thanh toán trong nước và ngân quỹ đạt doanh thu 12.723 tỷ đồng trong năm 2010, đạt 160% so với năm 2009.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2010, công tác Quản trị rủi ro tại HDBank được tổ chức và triển khai đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và Basel II trên các mặt như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

HDBank đã xây dựng chính sách Quản lý rủi ro tín dụng, Quy chế xếp hạng tín dụng nội bộ toàn hệ thống, Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng theo phương pháp định tính và đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đưa vào áp dụng chính thức từ 01/01/2011.

Cơ chế phê duyệt tín dụng tập trung trên nguyên tắc phân định trách nhiệm rõ ràng các khâu “Đề xuất – Thẩm định – Phê duyệt”, định giá tài sản bảo đảm độc lập được tiếp tục hoàn thiện để nâng cao chất lượng tín dụng và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh.

Quản lý tín dụng theo danh mục tín dụng của từng ngành nghề, cùng với việc ban hành các sản phẩm cho vay cụ thể đã tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh chủ động trong công tác tiếp thị phát triển khách hàng. Hạn mức cho vay kinh doanh Bất động sản, Chứng khoán và các ngành nghề có mức độ rủi ro cao được kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn và hiệu quả.

Hệ thống văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ thường xuyên được rà soát, bổ sung chỉnh sửa phù hợp với yêu cầu hoạt động và đảm bảo tuân thủ Pháp luật trong từng thời kỳ.

Nợ quá hạn được kiểm soát chặt chẽ và theo dõi đôn đốc thu hồi kịp thời. Đối với các khoản nợ xấu tồn đọng kéo dài, HDBank đã kiên quyết khởi kiện và làm việc với các Cơ quan thi hành án để đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ.

Công tác kiểm tra và giám sát được triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục theo quá trình của từng nghiệp vụ. Hệ thống báo cáo và cảnh báo hàng ngày đã giúp cho các đơn vị chấn chỉnh kịp thời những sai sót.

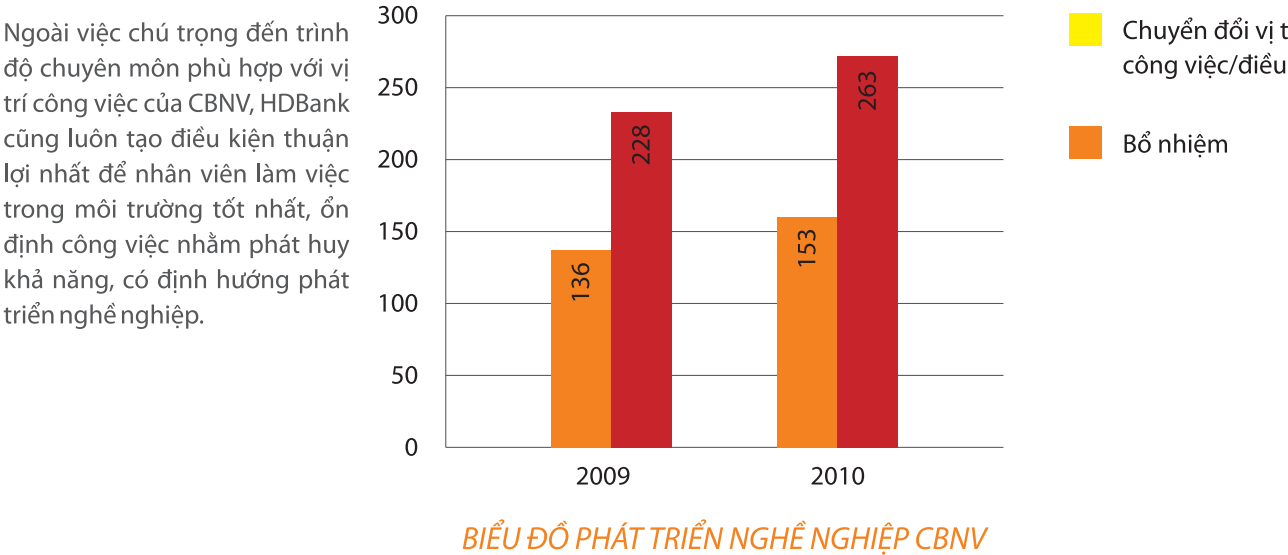
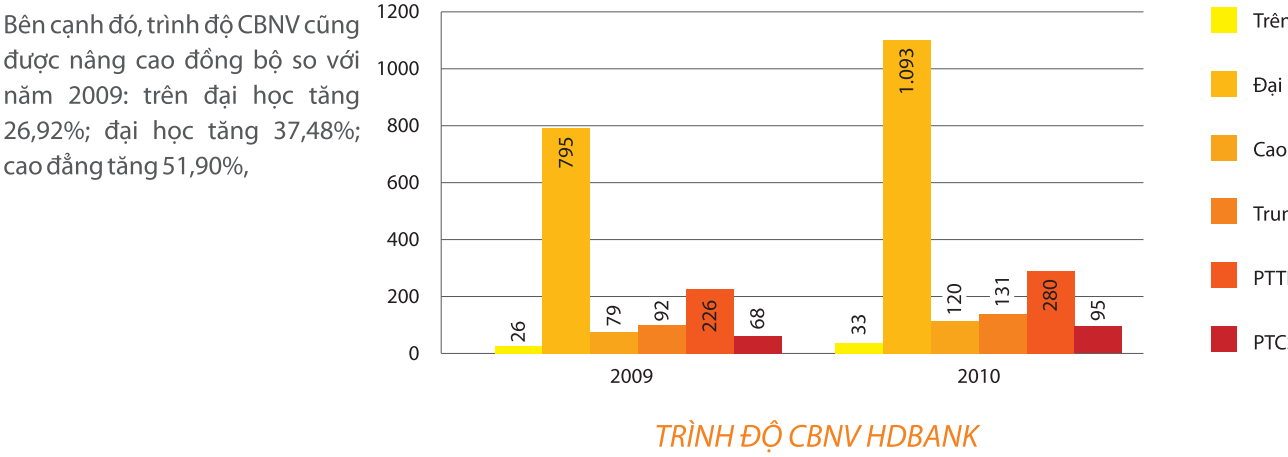
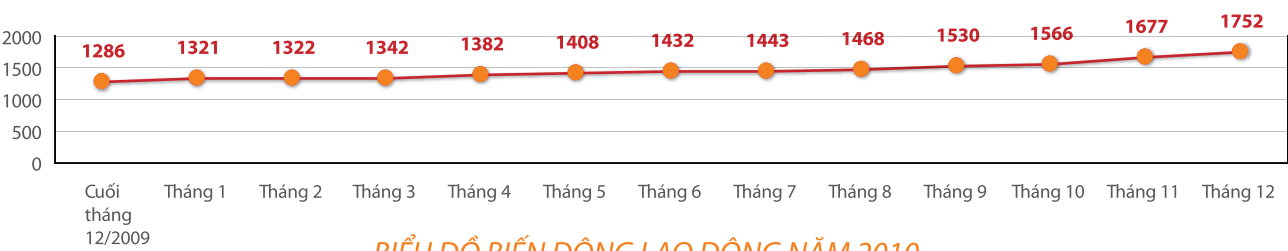
Tỷ lệ nợ xấu năm 2010 chỉ ở mức 0,83% trên Tổng dư nợ, giảm 0,27% so với năm 2009. Các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng nằm trong giới hạn cho phép đáp ứng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010	THEO QUY ĐỊNH CỦA NHNN
Tỷ lệ khả năng chi trả	25,7%	17,8%	Tối thiểu 15%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn	15,53%	0%	Tối đa 30%
Tỷ lệ an toàn vốn	15,67%	12,71%	Tối thiểu 9%

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

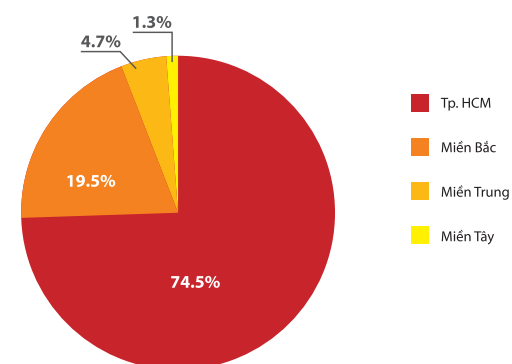
Nền tảng cho sự phát triển và thành công của HDBank là nỗ lực của cả hệ thống và sự đổi mới trong quản lý, trong đó, “con người” luôn được xem là yếu tố cốt lõi. HDBank tự hào đã xây dựng được nguồn nhân lực trẻ, năng động, hiệu quả, sẵn sàng chung tay vì sự phát triển chung của HDBank.

Trong năm 2010 cùng với việc tiếp tục tái cấu trúc hoạt động và phát triển mạng lưới lên 96 điểm giao dịch, HDBank đã nâng tổng số CBNV HDBank lên đến 1.752, tăng 36,24% (466 người) so với năm 2009.



1. Tổng số khóa đào tạo: 148 khóa, với 3,099 lượt người được đào tạo, trong đó:

Khu vực TP.HCM: 111 khóa, chiếm tỷ lệ 74,5%.
Khu vực Miền Bắc: 28 khóa, chiếm tỷ lệ 19,5%.
Khu vực Miền Trung: 7 khóa, chiếm tỷ lệ 4,7%.
Khu vực Miền Tây: 2 khóa, chiếm tỷ lệ 1,3%.



TỶ LỆ SỐ KHÓA ĐÀO TẠO THEO TỪNG KHU VỰC

2. Nội dung công tác đào tạo:

Đào tạo hơn 30 chuyên đề về chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng hỗ trợ:
Số khóa dành cho cấp quản lý: 16 khóa, chiếm 11%.
Số khóa dành cho nhân viên: 132 khóa, chiếm 89%.

3. Đánh giá công tác đào tạo:

Đã hoàn thành & đưa vào sử dụng chương trình đào tạo trực tuyến (Training online) và tuyển dụng trực tuyến (Testing online) như kế hoạch.
Đã triển khai thành công mô hình đào tạo Co-training (Phối hợp giảng dạy giữa giảng viên kỹ năng mềm và giảng viên chuyên môn nghiệp vụ).
Xây dựng hoàn chỉnh bộ giáo trình Chuyên viên Quan hệ Khách hàng chuyên nghiệp, Nụ cười trong dịch vụ, Kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, Kỹ năng thuyết trình.
Xây dựng hoàn chỉnh bộ giáo trình Tiếng Anh Ngân hàng và đã đào tạo vào tháng 10/2010.
Xây dựng bộ giáo trình Kỹ năng đàm phán, thương lượng và cũng đã đào tạo vào tháng 10/2010.
Đã xây dựng chương trình đào tạo cho chức danh công việc Chuyên viên quan hệ khách hàng, Giao dịch viên và Kiểm ngân. Dự kiến đối tượng nhân viên mới sẽ được đào tạo tập trung tại TTĐT trong vòng 2 tuần (cho chức danh kiểm ngân), 2 tháng cho chức danh Giao dịch viên và Chuyên viên Quan hệ Khách hàng.
Đưa được hệ thống văn bản pháp lý của ngành ngân hàng online.
Đào tạo tập trung dành cho Giao dịch viên mới được 02 khóa.
Đã xây dựng Chương trình kiểm tra năng lực các vị trí Giao dịch viên, kiểm soát viên, Chuyên viên Quan hệ Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, Hỗ trợ tín dụng và sẽ triển khai năm 2011.



QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

Bên cạnh sự tăng trưởng về tầm vóc, quy mô hoạt động, kết quả khả quan trong kinh doanh, HDBank còn được nhiều tổ chức uy tín đánh giá cao với những nỗ lực nâng cao giá trị và uy tín thương hiệu.

HDBank được xếp hạng trong nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng doanh nghiệp uy tín dựa trên kết quả nghiên cứu khách quan và đánh giá độc lập theo chuẩn mực quốc tế với sự tư vấn của các chuyên gia trong và ngoài nước (VNR500). Giải thưởng này không chỉ góp phần khẳng định uy tín của HDBank trên thị trường tài chính - ngân hàng Việt Nam mà còn là sự ghi nhận xứng đáng những nỗ lực, thành tích xuất sắc của Ngân hàng trong quá trình phát triển thương hiệu.



HDBank đã hội tụ đầy đủ các tiêu chí để trở thành Thương hiệu nổi tiếng quốc gia, khẳng định được uy thế trên thị trường với các dịch vụ tài chính - ngân hàng chất lượng cao, phong cách phục vụ chuyên nghiệp. Trong năm qua, HDBank đầu tư đúng mức cho công tác phát triển thương hiệu, đạt nhiều kết quả khả quan trong kinh doanh. Vai trò của ngân hàng trong nền kinh tế đất nước ngày càng được khẳng định thông qua khả năng thu xếp vốn cho nhiều dự án tầm cỡ quốc gia. HDBank cũng đã tích cực tham gia nhiều hoạt động từ thiện xã hội lớn như: Chương trình ca nhạc "Sắc màu lung linh" gây quỹ mổ mắt cho 400 đồng bào nghèo tỉnh An Giang, ủng hộ Quỹ "Chung một tấm lòng", học bổng "Vũ A Dính", cứu trợ đồng bào lũ lụt miền Trung trong cơn lũ lịch sử vừa qua tại Nghệ An - Hà Tĩnh, chăm lo người nghèo... Đầu tư cho lĩnh vực thể thao trí tuệ, Giải cờ vua quốc tế HDBank Cup đã được tổ chức lần đầu tiên tại Tp.HCM và đạt được những thành công lớn về quy mô, chất lượng giải đấu, thu hút sự tham gia của 9 nước: Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philipine, Ukraine, Nam Phi và Việt Nam.

Sự gắn bó của các khách hàng, những đánh giá cao từ các tổ chức có uy tín và nỗ lực mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng chính là nền tảng và động lực giúp HDBank phát triển ổn định và vững mạnh, góp phần hoàn thành sứ mệnh "Cam kết lợi ích cao nhất" cho khách hàng, cổ đông, đối tác và người lao động.



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGÂN HÀNG

"Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của HDBank, nhằm tạo nên sự ưu việt cho các sản phẩm dịch vụ, hội nhập với trình độ phát triển công nghệ thông tin trong nước và quốc tế"

Tiếp tục đổi mới và đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ để tăng tốc phát triển vươn lên trong nhóm các NHTM hàng đầu Việt Nam, HDBank đã tiên phong triển khai thành công nhiều dự án công nghệ nhằm phát triển và khai thác các sản phẩm công nghệ ngân hàng hiện đại.

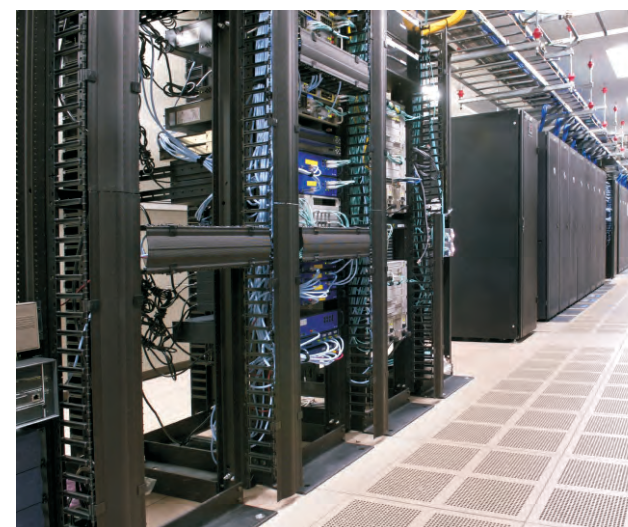
HDBank đã triển khai thành công các dự án EBanking, SMS Banking, Mobile banking.... với hệ thống xác thực 2 nhân tố hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn trong thương mại điện tử, cho phép khách hàng có thể giao dịch với ngân hàng mọi lúc mọi nơi.

Cùng với việc hoàn thành dự án thẻ giai đoạn I: phát hành Thẻ thanh toán nội địa với tên gọi Thẻ thông minh, kết nối hoàn chỉnh với tất cả các liên minh cho mọi dịch vụ liên quan đến thẻ nội địa, HDBank cũng đã triển khai hoàn tất nhiều sản phẩm thanh toán trực tuyến hỗ trợ cho thẻ như: Dịch vụ thanh toán trực tuyến, dịch vụ thanh toán hóa đơn tại quầy, dịch vụ Billing-Topup qua Ebanking, Billing-Topup qua SMS, trả lương trực tuyến, chuyển tiền theo lô... Đến nay, HDBank đã kết nối hơn 100 đơn vị cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho phép thanh toán trực tuyến qua tài khoản thẻ của HDBank.

Triển khai thành công các hệ thống quản trị nội bộ để đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn và hiệu quả cho hoạt động của ngân hàng như xếp hạng tín dụng, quản lý chi phí theo từng center, website, cổng thông tin nội bộ MIS, mô hình điểm giao dịch hiện đại...

Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống quản trị trung tâm và giám sát các hoạt động mạng lưới trên toàn quốc, đảm bảo việc quản lý cập nhật thông tin của khách hàng, nội bộ ngân hàng thông suốt và hiệu quả.

HDBank đã xây dựng được nền tảng vững chắc về công nghệ ngân hàng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động toàn hệ thống, hướng đến mục tiêu trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.



HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ, CỘNG ĐỒNG

Năm 2010, cùng với sự đổi mới mạnh mẽ và phát triển nhanh chóng về qui mô hoạt động kinh doanh, HDBank cũng không ngừng đổi mới và hoàn thiện công tác đoàn thể trên toàn hệ thống ngân hàng. Các hoạt động đoàn thể đã có nhiều khởi sắc, tạo được nhiều sân chơi bổ ích, phát động các chương trình xã hội ý nghĩa, thực sự là cầu nối, giao lưu chia sẻ của toàn thể CBNV HDBank.

Vừa qua, HDBank đã tổ chức thành công Đại hội chi bộ Đảng lần thứ X (nhiệm kỳ 2010-2015), kiện toàn bộ máy tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên. HDBank tự hào đã xây dựng được các tổ chức đoàn thể vững mạnh, luôn hoàn thành các nhiệm vụ của Ban lãnh đạo đề ra, đáp ứng yêu cầu nguyện vọng và là tiếng nói chung của toàn thể CBNV.

1. Chăm lo đời sống cho CBNV:

Phát động các phong trào thi đua khen thưởng CBNV định kỳ và tổng kết cuối năm.

Trích các quỹ phúc lợi để động viên, tặng thưởng cho CBNV vào các dịp lễ, Tết, sinh nhật..

Khám sức khỏe định kỳ 2 đợt/năm cho CBNV theo thỏa ước lao động.

Luôn quan tâm, động viên, tạo điều kiện cho CBNV được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả để người lao động an tâm gắn bó.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt nội bộ, giao lưu văn nghệ, thể thao như: Hội thi kiến thức HDBank, Hội diễn văn nghệ toàn hệ thống, Giải tennis HDBank,...



2. Hoạt động cộng đồng:

HDBank luôn xác định rằng tích cực tham gia chia sẻ với cộng đồng, góp phần làm cuộc sống tốt đẹp hơn cũng không kém phần quan trọng so với việc kinh doanh hiệu quả. Trong năm qua, HDBank đã thường xuyên phối hợp với các quỹ từ thiện tổ chức các hoạt động định kỳ như: xây dựng nhà tình thương, tặng học bổng cho học sinh nghèo, tặng quà cho trẻ em khuyết tật, người già neo đơn... trên khắp cả nước

Thăm và tặng quà cho đồng bào lũ lụt miền Trung

Tặng hơn 100 phần quà, sách vở, dụng cụ học tập cho học sinh nghèo tại huyện Bình Đại, Bến Tre nhân dịp năm học mới.

Tài trợ quỹ học bổng cho sinh viên nghèo học giỏi của trường Đại học Sài Gòn

Tổ chức chương trình "Giọt máu đào-trao niềm hy vọng", phát động toàn thể CBNV tham gia ngày hội hiến máu nhân đạo HDBank.

Phối hợp với Sở Y tế và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức thăm và tặng quà, khám chữa bệnh, phát thuốc, hớt tóc miễn phí cho 1,100 bệnh nhân tâm thần tại Trung tâm Tân Định - Bình Dương.

Đồng hành cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Tp.HCM tổ chức chương trình ca nhạc từ thiện "Sắc màu lung linh" lần 2, ủng hộ quỹ "Chung một tấm lòng" với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng.

Tham gia cùng đoàn bác sỹ tình nguyện đến khám và mổ mắt cho người mù nghèo tại Nghệ An, An Giang...

Năm vừa qua, Công đoàn HDBank đã được Liên đoàn Lao động Tp.HCM trao tặng giấy khen "Công đoàn xuất sắc vững mạnh" và Đoàn thanh niên cũng được Thành đoàn Tp.HCM và Đoàn khối ngân hàng trao tặng danh hiệu xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên.





ĐỊNH HƯỚNG
VÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG
NĂM 2011

Năm 2011 là năm mở đầu cho chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2011-2020) và kế hoạch phát triển 5 năm (2011-2016). Tuy nhiên, các ổn định vĩ mô, môi trường hoạt động năm 2011 vẫn còn nhiều tiềm ẩn khó khăn, do những diễn biến của tình hình kinh tế quốc tế phức tạp, và những bất ổn về thị trường tài chính tiền tệ trong nước. Do đó, chủ trương của Chính phủ sẽ điều hành chính sách kinh tế vĩ mô theo hướng chú trọng đến chất lượng và tính bền vững của nền kinh tế thay vì chạy theo mục tiêu tăng trưởng.

Trên cơ sở nội lực của HDBank và những dự đoán về tình hình kinh tế, Ban lãnh đạo HDBank đã đề ra các định hướng và mục tiêu hoạt động năm 2011 như sau:

Phát triển nhanh, đồng bộ, toàn diện để trở thành một trong các Ngân hàng Thương mại lớn nhất trong 3 – 5 năm tới. Trong đó:

1. Thương hiệu: Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu thành công trên toàn hệ thống. Phát triển thương hiệu lên tầm cao mới là một ngân hàng chuyên nghiệp, năng động.
2. Mạng lưới hoạt động: Mạng lưới cần phát triển đi vào chiều sâu, chất lượng. Phủ sóng toàn quốc và khai thác khả năng vươn ra nước ngoài.
3. Nhân lực: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp năng động, trong sạch, nhân văn và chuyên nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ trong Ban Điều hành. Xây dựng chính sách và đội ngũ cán bộ nguồn kế cận trên toàn hệ thống từ Hội sở tới các Chi nhánh, Phòng Giao dịch.
4. Chương trình công nghệ Ngân hàng: Có chiến lược và kế hoạch phát triển công nghệ ngân hàng 5 năm, đảm bảo sản phẩm công nghệ cạnh tranh nhất trên thị trường nhưng chi phí đầu tư hợp lý tối ưu.
5. Chất lượng quản trị, vận hành: Hoàn thành kế toán quản trị. Tổ chức vận hành tốt nhất ma trận quản lý, trong đó đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, thông suốt và hiệu quả của các Khối chuyên môn, nghiệp vụ từ Hội sở xuyên suốt tới các cơ sở kinh doanh và từng cán bộ chuyên môn tại đơn vị.

Các mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2011:

1. Vốn điều lệ tăng lên đạt 5.400 tỉ đồng.
2. Tổng tài sản đạt 48.500 tỉ đồng tăng 41% so năm 2010
3. Số dư huy động đạt 42.000 tỉ đồng tăng 37,7% so năm 2010, trong đó vốn huy động từ thị trường 1 đạt 32.000 tỉ đồng, tăng 52% so năm 2010.
4. Cho vay tăng 19,5% (do khống chế tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước). Nợ xấu khống chế mức tối đa là 1,5% tổng dư nợ.
5. Thu dịch vụ phi tín dụng chiếm tỉ trọng 30% trong tổng thu.
6. Phát triển mạng lưới tối thiểu đạt 130 điểm giao dịch vào cuối năm 2011.
7. Lợi nhuận trước thuế 600 tỉ đồng. ROE bình quân là 14,03%, ROA bình quân là 1,08%. Đảm bảo chia cổ tức tối thiểu là 14%.

Với sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của NHNN, sự đồng thuận và tín nhiệm của quý cổ đông, định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo Ngân hàng cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên năng động, quyết tâm, phấn đấu vì mục tiêu chung và đặc biệt là sự ủng hộ của quý khách hàng, HDBank sẽ tiếp tục vững bước trên con đường phát triển để vươn lên tầm cao mới.

Với sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của NHNN, sự đồng thuận và tín nhiệm của quý cổ đông, định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo Ngân hàng cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên năng động, quyết tâm, phấn đấu vì mục tiêu chung và đặc biệt là sự ủng hộ của quý khách hàng, HDBank sẽ tiếp tục vững bước trên con đường phát triển để vươn lên tầm cao mới trên thị trường tài chính ngân hàng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh các báo cáo tài chính



Ernst & Young Vietnam limited
Saigon Riverside Office Center
8th floor, 2A-4A Ton Duc Thang St
District 1 Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel : +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 60752693/14503158

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
 Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận chưa phân phối, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 4 đến trang 66 (“các báo cáo tài chính”). Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam W.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Hoàng Văn

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Xuân Đại

Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 1 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	799.106.091.513	527.164.469.963
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	736.099.414.685	517.670.356.426
Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác		8.550.235.829.979	5.492.895.003.433
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	5	8.550.235.829.979	5.492.895.003.433
Cho vay các TCTD khác		-	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
Chứng khoán kinh doanh		-	495.000
Chứng khoán kinh doanh		-	495.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	17	859.200.000	-
Cho vay khách hàng		11.643.356.120.882	8.167.217.755.266
Cho vay khách hàng	6	11.728.192.948.022	8.230.883.732.406
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	7	(84.836.827.140)	(63.665.977.140)
Chứng khoán đầu tư	8	7.451.847.740.918	2.635.880.938.302
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8.1	5.804.615.176.035	1.290.494.982.719
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	8.2	1.738.095.229.258	1.418.079.743.583
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	8.1	(90.862.664.375)	(72.693.788.000)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		169.862.189.881	70.271.310.665
Đầu tư vào công ty con		-	-
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác	9	169.862.189.881	70.271.310.665
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản cố định	10	256.043.367.871	250.618.171.345
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>10.1</i>	<i>193.853.525.392</i>	<i>187.263.453.454</i>
Nguyên giá tài sản cố định		242.607.774.429	215.776.239.518
Hao mòn tài sản cố định		(48.754.249.037)	(28.512.786.064)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>10.2</i>	<i>62.189.842.479</i>	<i>63.354.717.891</i>
Nguyên giá tài sản cố định		71.177.342.245	66.087.226.955
Hao mòn tài sản cố định		(8.987.499.766)	(2.732.509.064)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác		4.781.816.948.465	1.465.708.770.464
Các khoản phải thu	11	4.112.539.173.260	1.187.561.788.899
Các khoản lãi, phí phải thu	12	421.001.042.054	161.390.373.342
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	21.2	158.408.998	-
Tài sản có khác	13	248.118.324.153	116.756.608.223
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN		34.389.226.904.194	19.127.427.270.864



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		179.246.557.018	142.118.217.183
Bảo lãnh khác		663.367.895.383	1.290.523.244.421
Các cam kết đưa ra			
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
	37	842.614.452.401	1.432.641.461.604

Người phê duyệt:

Ông phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 1 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	2.353.157.943.803	1.039.175.112.484
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(1.830.750.360.622)	(804.460.853.556)
Thu nhập lãi thuần		522.407.583.181	234.714.258.928
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		172.265.070.831	151.793.905.169
Chi phí hoạt động dịch vụ		(18.753.360.404)	(11.385.476.156)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	153.511.710.427	140.408.429.013
(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	(38.596.669.979)	63.410.288.990
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	16.795.395.821	(5.124.572.774)
Lãi thuần từ mua bán đầu tư dài hạn khác	30	22.165.000.000	44.000.000.000
Thu nhập từ hoạt động khác		11.285.492.591	915.112.090
Chi phí hoạt động khác		(842.767.222)	(954.570.231)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	31	10.442.725.369	(39.458.141)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	23.872.915.577	15.274.793.994
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		710.598.660.396	492.643.740.010
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí tiền lương		(162.462.720.873)	(91.944.910.665)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(27.267.989.230)	(14.281.851.479)
Chi phí hoạt động khác		(148.175.963.613)	(94.231.761.616)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	33	(337.906.673.716)	(200.458.523.760)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		372.691.986.680	292.185.216.250
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	7	(21.959.850.000)	(37.280.116.736)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		350.732.136.680	254.905.099.514
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(81.481.974.795)	(60.289.835.602)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21.2	158.408.998	(410.347.099)
Chi phí thuế TNDN		(81.323.565.797)	(60.700.182.701)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		269.408.570.883	194.204.916.813
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.698	1.253

Người lập:

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Trưởng phòng Kế toán
Tài chính
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 1 năm 2011

Người phê duyệt:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.098.136.578.075	947.945.785.310
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.853.500.768.430)	(748.574.444.161)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		148.539.753.836	143.844.876.484
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		4.944.334.708	122.845.859.385
Thu nhập/(Chi phí) khác		10.808.197.008	(130.544.062)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		-	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(306.512.627.234)	(187.807.016.206)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	21.1	(73.757.198.658)	(58.917.660.949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		28.658.269.305	219.206.855.801
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		262.027.400.000	(1.272.181.020.789)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(4.842.273.563.991)	(2.304.097.555.554)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(859.200.000)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(3.497.309.215.616)	(2.055.479.211.188)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(894.000.000)	(5.807.000.000)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(2.568.276.971.006)	(889.696.951.555)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		2.077.097.625.254	7.905.952.281
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		2.039.475.438.082	3.142.207.101.739
Tăng tiền gửi của khách hàng		4.526.968.620.984	5.122.361.614.432
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		4.731.733.224.268	1.074.449.108.846
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		-	-
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(12.531.578.600)	-
Tăng khác về công nợ hoạt động		1.075.726.445.908	10.088.517.836
Chi từ các quỹ của TCTD		(2.936.105.205)	(9.230.337.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.816.606.389.383	3.039.727.074.248



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

	Thuyết minh	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(76.403.469.846)	(225.190.810.623)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		477.295.583	294.746.699
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(122.674.606.216)	(39.671.310.665)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		40.215.000.000	90.000.000.000
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		11.427.249.577	4.753.620.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(146.958.530.902)	(169.813.754.300)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ/cổ phần từ góp vốn mới và/hoặc phát hành cổ phiếu	22.1	450.000.000.000	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(309.908.952.126)	(61.553.512.437)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		140.091.047.874	(61.553.512.437)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.809.738.906.355	2.808.359.807.511
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		4.861.576.829.822	2.053.217.022.311
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	34	8.671.315.736.177	4.861.576.829.822

Người lập:

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Trưởng phòng Kế toán
Tài chính
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 1 năm 2011

Người phê duyệt:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1.1 **Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

1.2 **Cơ sở lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam (“đồng” hay “VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ -NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận chưa phân phối, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, những báo cáo này không nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các Hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

1.3 **Năm tài chính**

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1.4 **Thay đổi chính sách kế toán**

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2010:

- Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Ngân hàng không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Ngoài ra, trong năm Ngân hàng cũng thực hiện áp dụng Thông tư số 203/2009/TT -BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

1.5 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

1.6 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2004, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ theo quy định tro ng Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 05 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

1.7 Chứng khoán đầu tư

1.7.1 Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

1.7.2 Các chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên n hưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.



Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được tiếp tục ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

1.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá muađược phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá muađược phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

1.9 Đầu tư góp vốn dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng nếu có. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ đối với các khoản đầu tư chứng khoán và khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu vào các đơn vị khác, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

1.10 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định và trích lập theo các quy định của Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán

- ▶ Đối với chứng khoán vốn đã niêm yết: Ngân hàng lấy theo giá đóng cửa vào ngày lập báo cáo tài chính hoặc giá đóng cửa phiên gần nhất trong trường hợp không có giao dịch vào ngày lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết (giao dịch trên thị trường phi tập trung - OTC):
 - (i) Ngân hàng lấy mức giá bình quân của ba (3) công ty chứng khoán có uy tín trên thị trường (có mức vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng);

- (ii) Trường hợp các chứng khoán, các khoản đầu tư không có giá trị hợp lý/giá trị thực tế của thị trường hoặc không thể xác định một cách đáng tin cậy thì Ngân hàng tự xây dựng mô hình định giá chứng khoán để tính toán và trích lập giảm giá chứng khoán, các khoản đầu tư này. Trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý của các chứng khoán theo phương pháp định giá nêu trên thì các chứng khoán vốn sẵn sàng để bán của các cổ phiếu chưa niêm yết được hạch toán theo giá gốc.

1.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

1.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

1.13 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	7 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ, quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

1.14 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

1.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại *Thuyết minh số 44*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

1.17 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

1.18 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, Tổ chức Tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại *Thuyết minh số 1.6*. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán.

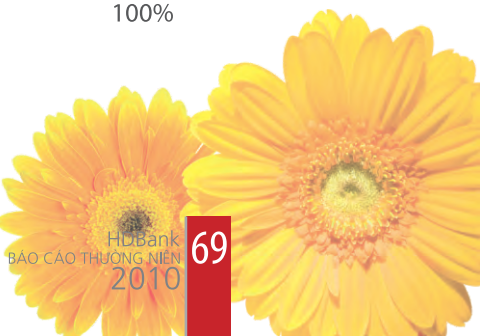
1.19 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%



1.20 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”.

1.21 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tắt toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

1.22 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

1.23 Lợi ích của nhân viên

1.23.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 16,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

1.23.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nh ưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT -BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 64/1999/TT-BTC, hàng năm Ngân hàng phải trích quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1,00% - 3,00% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 5,00% của lợi nhuận sau thuế theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư số 82/2003/TT-BTC.

Trong năm 2010, Ngân hàng đã thực hiện trích lập đầy đủ quỹ trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc làm theo Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính với mức trích bằng 3,00%/năm trên tổng quỹ lương đóng Bảo hiểm xã hội của nhân viên.

1.23.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT -BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

2. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Tiền mặt bằng VNĐ	154.361.471.055	113.539.819.377
Tiền mặt bằng ngoại tệ	78.020.887.458	24.545.080.586
Vàng tiền tệ	566.723.733.000	389.079.570.000
	799.106.091.513	527.164.469.963

3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	736.099.414.685	517.670.356.426

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,10%/năm.

Mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

- Đối với tiền gửi thuộc đối tượng phải thực hiện dự trữ bắt buộc bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 3,00% và 1,00%.
- Đối với tiền gửi thuộc đối tượng phải thực hiện dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 4,00% và 2,00%.

Theo đó, mức dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và ngoại tệ trung bình trong tháng 12 năm 2010 là 313.970 triệu VNĐ và 2.300.150 đô la Mỹ.

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.



4. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn (“KKH”) tại các TCTD khác (Thuyết minh số 4.1)	1.291.840.229.979	123.473.183.433
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn (“CKH”) tại các TCTD khác (Thuyết minh số 4.2)	7.258.395.600.000	5.369.421.820.000
	8.550.235.829.979	5.492.895.003.433

4.1 Tiền, vàng gửi KKH tại các TCTD khác

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước		
Bằng VNĐ	5.121.067.039	30.844.212.447
Bằng ngoại tệ	630.920.608.423	26.956.646.392
Tiền gửi KKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	655.798.554.517	65.659.121.994
Vàng gửi KKH tại các TCTD trong nước	-	13.202.600
	1.291.840.229.979	123.473.183.433

4.2 Tiền, vàng gửi CKH tại các TCTD khác

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
<i>Tiền, vàng gửi CKH tại các TCTD khác có kỳ hạn dưới hoặc bằng ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước		
Bằng VNĐ	5.026.350.000.000	3.280.000.000.000
Bằng ngoại tệ	709.950.000.000	360.668.820.000
Vàng gửi CKH tại các TCTD trong nước	107.970.000.000	52.600.000.000
Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 20)	5.844.270.000.000	3.693.268.820.000
<i>Tiền, vàng gửi CKH tại các TCTD khác có kỳ hạn trên ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước		
Bằng VNĐ	804.400.000.000	1.470.000.000.000
Bằng ngoại tệ	393.785.600.000	206.153.000.000
Vàng gửi CKH tại các TCTD trong nước	215.940.000.000	-
	1.414.125.600.000	1.676.153.000.000
	7.258.395.600.000	5.369.421.820.000

Mức lãi suất tại thời điểm cuối năm của các khoản tiền, vàng gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác như sau:

	31/12/2010 %/năm	31/12/2009 %/năm
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước		
Bằng VNĐ	10,50 - 13,50	9,47 - 12,00
Bằng ngoại tệ	0,10 - 1,80	0,10 - 3,60
Vàng gửi CKH tại các TCTD trong nước	3,40 - 3,70	6,00

5. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	9.816.349.999.311	7.614.560.105.052
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	1.911.842.948.711	616.323.627.354
	11.728.192.948.022	8.230.883.732.406

Mức lãi suất cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2010 %/năm	31/12/2009 %/năm
Cho vay thương mại		
Bằng VNĐ	6,00 - 25,00	3,00 - 21,00
Bằng ngoại tệ	2,29 - 10,00	2,29 - 10,00
Bằng vàng	3,00 - 8,50	6,50 - 8,50

Cho vay thương mại gồm các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn, bao gồm cả các khoản vay đồng tài trợ mà Ngân hàng làm đầu mối, bằng VNĐ và đô la Mỹ.

5.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.397.929.035.604	8.096.064.173.433
Nợ cần chú ý	232.698.536.427	44.136.475.737
Nợ dưới tiêu chuẩn	31.754.988.844	7.558.012.135
Nợ nghi ngờ	18.716.976.226	7.476.586.935
Nợ có khả năng mất vốn	47.093.410.921	75.648.484.166
	11.728.192.948.022	8.230.883.732.406

5.2 Phân tích dư nợ theo thời gian gốc

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Nợ ngắn hạn	8.226.724.669.806	5.352.347.622.666
Nợ trung hạn	1.644.497.350.751	1.184.183.546.152
Nợ dài hạn	1.856.970.927.465	1.694.352.563.588
	11.728.192.948.022	8.230.883.732.406

5.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2010		31/12/2009	
	đồng	%	đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	5.281.921.445.067	45,03	4.098.456.284.957	49,79
Công ty TNHH tư nhân	2.352.944.550.817	20,06	1.862.524.741.752	22,63
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	244.975.585.945	2,09	97.551.833.000	1,19
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	166.074.253.336	1,42	32.385.960.441	0,39
Doanh nghiệp tư nhân	131.849.421.807	1,12	121.112.668.560	1,47
Công ty cổ phần nhà nước	29.867.465.025	0,25	44.794.714.266	0,54
Kinh tế tập thể	29.514.400.000	0,25	2.319.996.667	0,03
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	25.869.000.000	0,22	26.288.513.000	0,32
Công ty TNHH nhà nước	17.054.712.200	0,15	12.768.849.741	0,15
Công ty hợp danh	2.382.947.852	0,02	-	0,00
Công ty cổ phần khác	2.281.389.108.085	19,45	1.898.709.007.530	23,07
Cho vay cá nhân	6.446.271.502.955	54,97	4.132.427.447.449	50,21
	11.728.192.948.022	100,00	8.230.883.732.406	100,00

5.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2010		31/12/2009	
	đồng	%	đồng	%
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	6.168.087.366.533	52,59	4.139.924.514.786	50,30
Xây dựng	1.504.593.050.235	12,83	1.851.798.665.205	22,50
Công nghiệp chế biến	940.577.448.060	8,02	444.583.001.567	5,40
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	810.556.548.311	6,91	392.534.628.646	4,77
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	768.930.826.498	6,56	259.395.123.279	3,16
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	595.784.356.686	5,08	317.495.459.370	3,86
Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	233.119.858.420	1,99	333.757.552.639	4,05
Hoạt động khoa học và công nghệ	205.395.880.669	1,75	102.735.700.000	1,25
Nông nghiệp, lâm nghiệp	152.929.639.797	1,30	35.978.067.091	0,44
Hoạt động tài chính	97.001.301.652	0,83	40.720.027.459	0,49
Khách sạn và nhà hàng	87.192.617.321	0,74	84.331.062.501	1,02
Thủy hải sản	73.884.422.478	0,63	20.606.906.987	0,25
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	27.381.243.569	0,23	139.103.969.999	1,69
Hoạt động văn hóa thể thao	26.054.600.000	0,22	28.510.513.000	0,35
Giáo dục và đào tạo	18.007.450.000	0,15	5.331.650.000	0,06
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	13.308.137.793	0,11	27.068.789.878	0,33
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng, Đảng, đoàn thể, đảm bảo xã hội bắt buộc	4.334.000.000	0,04	2.008.099.999	0,02
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể Quốc tế	650.000.000	0,01	5.000.000.000	0,06
Công nghiệp khai thác mỏ	404.200.000	0,01	-	-
	11.728.192.948.022	100,00	8.230.883.732.406	100,00



6. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	84.836.827.140	63.665.977.140
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	8.619.400.000	8.724.400.000
	93.456.227.140	72.390.377.140

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể đồng	Dự phòng chung đồng	Tổng cộng đồng
Số dư đầu kỳ	22.771.450.000	49.618.927.140	72.390.377.140
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	4.228.000.000	31.912.000.000	36.140.000.000
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.540.150.000)	(10.640.000.000)	(14.180.150.000)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(894.000.000)	-	(894.000.000)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11 và cuối kỳ	22.565.300.000	70.890.927.140	93.456.227.140

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm trước bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể đồng	Dự phòng chung đồng	Tổng cộng đồng
Số dư đầu kỳ	23.325.060.000	17.592.200.404	40.917.260.404
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	9.392.390.000	33.574.726.736	42.967.116.736
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.139.000.000)	(1.548.000.000)	(5.687.000.000)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	28.578.450.000	49.618.927.140	78.197.377.140
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(5.807.000.000)	-	(5.807.000.000)
Số dư cuối kỳ	22.771.450.000	49.618.927.140	72.390.377.140

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và các cam kết ngoại bảng tại ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Chi tiết phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

Phân loại	Số dư (*) đồng	Dự phòng cụ thể đồng	Dự phòng chung đồng	Tổng số dự phòng đồng
<i>Cho vay khách hàng</i>				
Nợ đủ tiêu chuẩn	8.019.009.760.271	-	60.139.085.940	60.139.085.940
Nợ cần chú ý	240.809.373.049	3.913.300.000	1.806.070.298	5.719.370.298
Nợ dưới tiêu chuẩn	15.850.300.000	609.000.000	118.877.250	727.877.250
Nợ nghi ngờ	27.665.820.226	5.421.000.000	207.493.652	5.628.493.652
Nợ có khả năng mất vốn	49.510.549.003	12.622.000.000	-	12.622.000.000
	8.352.845.802.549	22.565.300.000	62.271.527.140	84.836.827.140
<i>Các cam kết ngoại bảng</i>				
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.149.366.739.816	-	8.619.400.000	8.619.400.000
		22.565.300.000	70.890.927.140	93.456.227.140

(*): số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2010

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2010, Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng chung và dự phòng cụ thể cho toàn bộ dư nợ tín dụng tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 theo đúng yêu cầu của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Vay Ngân hàng Nhà nước (i)	2.002.935.079.259	-
Các khoản nợ khác	179.688.288.363	105.525.742.368
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	31.731.270.863	14.496.154.868
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (iii)	147.957.017.500	91.029.587.500
	2.182.623.367.622	105.525.742.368

(i) Đây là khoản vay thị trường mở thông qua NHNN Việt Nam và cầm cố Trái phiếu Chính phủ. Các khoản vay đều có thời hạn trong vòng một (01) tuần với lãi suất là 10,00%/năm.

(ii) Đây là khoản vay theo dự án Tài chính Tín dụng Nhà ở do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ thông qua NHNN. Theo thỏa thuận ngày 16 tháng 01 năm 2006, bản sửa đổi ngày 24 tháng 11 năm 2006 và phụ lục ngày 11 tháng 10 năm 2010 ký với NHNN, trị giá khoản vay là 68.000 triệu đồng, thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2004, lãi suất vay được tính trên cơ sở lãi suất điều chỉnh vào cuối mỗi quý và tính theo phương pháp bình quân gia quyền của tất cả các loại tiền gửi có kỳ hạn trong hệ thống ngân hàng.



(iii) Đây là khoản vay theo dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II do Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) tài trợ thông qua NHNN Việt Nam. Theo thỏa thuận khung về cho vay lại ngày 01 tháng 11 năm 2007, Ngân hàng được vay để tài trợ cho các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn phù hợp với các điều kiện quy định của dự án.

8. TIỀN GỬI CỦA CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	2.212.266.622	4.086.128.540
Bằng VNĐ	2.070.464.221	569.410.815
Bằng ngoại tệ	141.802.401	3.516.717.725
Tiền gửi có kỳ hạn	7.252.318.000.000	5.210.968.700.000
Bằng VNĐ	5.851.350.000.000	5.019.000.000.000
Bằng ngoại tệ	1.400.968.000.000	191.968.700.000
	7.254.530.266.622	5.215.054.828.540

9. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

9.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Tiền gửi không kỳ hạn (“KKH”)		
Tiền gửi KKH bằng VNĐ	1.802.530.345.810	1.424.265.059.030
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VNĐ	3.327.033.549	4.678.782.621
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	100.493.045.782	75.480.478.952
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	50.538.380.214	50.029.801.775
Tiền gửi có kỳ hạn (“CKH”)		
Tiền gửi CKH bằng VNĐ	3.661.552.596.111	2.456.311.410.156
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VNĐ	2.830.167.638.295	1.061.497.147.784
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	27.439.201.544	161.181.944.000
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	1.215.459.665.888	478.088.590.823
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Bằng VNĐ	25.322.542.357	35.229.009.816
Bằng ngoại tệ	19.283.691.245	208.780.852
Tiền ký quỹ		
Bằng VNĐ	67.584.552.586	55.798.848.138
Bằng ngoại tệ	106.175.055.559	53.776.762.937
Các khoản phải trả khách hàng khác		
Tiền gửi tiết kiệm khác	4.076.339.206.108	3.602.697.717.180
	13.986.212.955.048	9.459.244.334.064

31/12/2010
%/năm

31/12/2009
%/năm

Tiền gửi KKH bằng VNĐ	1,20 - 9,50	1,50 - 10,02
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VNĐ	tối đa 3,00	tối đa 3,00
Tiền gửi KKH bằng vàng, ngoại tệ	0,20 - 1,20	0,20 - 1,20
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng vàng, ngoại tệ	0,20 - 1,20	0,20 - 1,40
Tiền gửi CKH bằng VNĐ	3,00 - 17,30	3,00 - 11,00
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VNĐ	8,00 - 14,50	7,80 - 14,50
Tiền gửi CKH bằng vàng, ngoại tệ	1,00 - 4,40	2,40 - 3,80
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng vàng, ngoại tệ	0,20 - 6,50	1,90 - 7,15

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND và ngoại tệ, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, nếu gửi dưới 1 tháng thì được hưởng lãi suất không kỳ hạn, nếu gửi từ 1 tháng trở lên thì được hưởng 70,00% lãi suất theo thẻ tiết kiệm, tính theo số ngày thực gửi.

9.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Tiền gửi của tổ chức kinh tế		
Công ty cổ phần	2.323.370.334.193	2.055.622.660.523
Kinh tế cá thể	1.349.855.904.475	548.871.512.210
Doanh nghiệp quốc doanh	1.045.674.501.301	925.581.040.623
Công ty TNHH tư nhân	830.285.414.216	642.949.527.840
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	185.665.431.795	60.770.079.677
Khác	69.616.991.428	24.939.136.074
Tiền gửi của cá nhân	8.181.744.377.640	5.200.510.377.117
	13.986.212.955.048	9.459.244.334.064

10. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/CÔNG NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
			Tài sản
			đồng
			Công nợ
			đồng
Tại ngày 31/12/2010			
Công cụ TC phái sinh			
tiền tệ			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	22.804.800.000	859.200.000	-
Tại ngày 31/12/2009			
Công cụ TC phái sinh			
tiền tệ			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	174.370.163.200	-	12.531.578.600

11. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	4.688.564.378.843	1.993.574.417.255
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	82.479.794.580	345.736.531.900
Trái phiếu		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	1.800.000.000.000	-
Từ 5 năm trở lên	500.000.000.000	-
	7.071.044.173.423	2.339.310.949.155

Chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng phát hành là các chứng chỉ tiền gửi bằng Việt Nam đồng, bằng ngoại tệ và chứng chỉ gửi vàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 2 năm. Tiền lãi của chứng chỉ gửi vàng được trả cuối kỳ hoặc 3 tháng/lần.

12. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu kỳ đồng	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ đồng
		Số phải nộp đồng	Số đã nộp đồng	
Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)	4.309.674.902	7.829.673.102	(10.044.918.018)	2.094.429.986
Thuế GTGT dịch vụ	1.548.201.645	7.133.883.966	(6.983.293.834)	1.698.791.777
Thuế GTGT kinh doanh ngoại tệ	2.761.473.257	695.789.136	(3.061.624.184)	395.638.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.625.985.916	81.481.974.795	(73.757.198.658)	20.350.762.053
Các loại thuế khác	414.874.708	11.745.457.747	(6.800.079.343)	5.360.253.112
Thuế thu nhập cá nhân	414.874.708	10.959.360.683	(6.012.482.279)	5.361.753.112
Thuế môn bài	-	81.500.000	(83.000.000)	(1.500.000)
Thuế nhà thầu	-	474.537.618	(474.537.618)	-
Các khoản phải nộp khác	-	230.059.446	(230.059.446)	-
	17.350.535.526	101.057.105.644	(90.602.196.019)	27.805.445.151

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2009: 25%).

Các báo cáo thuế của ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

12.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Lợi nhuận trước thuế	350.732.136.680	254.905.099.514
Trừ:		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(23.872.915.577)	(9.105.404.436)
Thu nhập từ cổ phiếu thưởng	-	(5.377.580.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	(30.582.459.508)	-
Cộng:		
Chi phí không được khấu trừ	1.019.430.480	737.227.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	633.635.990	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	297.929.828.065	241.159.342.410
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ		
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%	74.482.457.017	60.289.835.602
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	6.999.517.778	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	81.481.974.795	60.289.835.602
Thuế TNDN phải trả đầu năm	12.625.985.916	11.253.811.263
Thuế TNDN đã trả trong năm	(73.757.198.658)	(58.917.660.949)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	20.350.762.053	12.625.985.916

12.2 Thuế thu nhập hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Ghi có/(ghi nợ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số dư cuối kỳ đồng	Số dư đầu kỳ đồng	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-	(410.347.099)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	158.408.998	-	158.408.998	-
	158.408.998	-		
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại thuần			158.408.998	(410.347.099)



13. VỐN VÀ CÁC QUỸ

13.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn điều lệ đồng	Thặng dư vốn cổ phần đồng	Quỹ dự phòng tài chính đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đồng	Quỹ khen thưởng, phúc lợi đồng	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối đồng	Tổng cộng đồng
Số dư đầu kỳ	1.550.000.000.00	0	4.043.016.800	30.354.522.068	16.159.527.926	-	1.402.199.187	1.796.164.182.794
Tăng trong kỳ	450.000.000.00	0	-	19.390.491.681	-	4.000.000.000	1.000.000.000	719.408.570.883
Tăng vốn trong kỳ								
(*)	450.000.000.000	-	-	-	-	-	-	450.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm		-	-	-	-	-	269.408.570.883	269.408.570.883
Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước		-	-	19.390.491.681	-	4.000.000.000	(24.390.491.681)	-
Giảm trong kỳ		-	-	-	-	(557.180.205)	(155.300.000.00)	(157.936.105.205)
Sử dụng trong kỳ		-	-	-	-	(557.180.205)	(300.000.000)	(2.936.105.205)
Chia cổ tức năm trước		-	-	-	-	-	(155.000.000.000)	(155.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.000.000.000.00	0	4.043.016.800	49.745.013.749	16.159.527.926	3.442.819.795	283.922.996.01	2.357.636.648.472

(*) Ngân hàng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 với vốn điều lệ là 2.000 tỷ đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 12 năm 2010.

Ngân hàng chưa trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 theo quy định. Việc trích lập các quỹ dự trữ theo quy định sẽ được thực hiện theo nghị quyết của cổ đông Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sẽ được hạch toán trong năm tài chính tiếp theo.

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2010	2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (*)	300.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	155.000.000
- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	200.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	155.000.000
- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	200.000.000	155.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

(*) Ngân hàng đã được chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 1.550 tỷ đồng lên 3.500 tỷ đồng theo Quyết định số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, và được chấp thuận phát hành 145.000.000 cổ phiếu theo Công văn số 687/UBCK-GCN ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

13.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP, các ngân hàng thương mại phải trích lập quỹ dự trữ như sau:

	Mức trích	Mức tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	25% vốn điều lệ

Các quỹ sau đây được tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ dự phòng tài chính (lợi nhuận sau thuế còn lại).

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	Không quy định
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	Không quy định
Các quỹ khác	Theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	Không quy định

Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP.



14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận thuần sẵn sàng có thể để chia cho các cổ đông của Ngân hàng (đồng)	269.408.570.883	194.204.916.813
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	158.698.630	155.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.698	1.253

Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng dùng để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu là lợi nhuận sau thuế chưa loại trừ số tiền sẽ được dùng để trích lập các quỹ dự trữ theo qui định và theo chính sách của Ngân hàng như được trình bày trong *Thuyết minh số 13.2*; đồng thời chưa trừ cổ tức năm 2010 tạm ứng trước cho các cổ đông như được trình bày trong *Thuyết minh số 15*.

15. CỔ TỨC

Ngày 13 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng đã tạm ứng cổ tức năm 2010 là 155.000 triệu đồng (tương đương 10% vốn điều lệ Ngân hàng) theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 11 năm 2010 và sẽ kết chuyển vào lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010 theo nghị quyết của cổ đông Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

16. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	363.133.139.705	264.966.946.800
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	996.672.764.805	629.995.974.101
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	679.267.817.524	95.663.680.664
Thu khác từ hoạt động tín dụng	314.084.221.769	48.548.510.919
	2.353.157.943.803	1.039.175.112.484

17. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Trả lãi tiền gửi	1.395.223.444.358	736.351.270.470
Trả lãi tiền vay	65.026.040.965	8.583.873.627
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	335.599.017.664	55.433.967.074
Chi phí hoạt động tín dụng khác	34.901.857.635	4.091.742.385
	1.830.750.360.622	804.460.853.556

18. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	31.183.194.869	24.493.220.334
Dịch vụ tư vấn	26.871.577.568	16.954.266.581
Nghiệp vụ ủy thác và đại lý	182.627.052	1.168.422.174
Nghiệp vụ chiết khấu	83.971.038.913	83.086.600.411
Nghiệp vụ bảo lãnh	15.910.531.288	13.594.117.756
Dịch vụ ngân quỹ	7.631.253.754	2.399.492.160
Thu phí dịch vụ tín dụng	6.514.847.387	10.097.785.753
	172.265.070.831	151.793.905.169
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Chi về dịch vụ thanh toán	(2.881.878.121)	(1.791.027.892)
Chi về dịch vụ tư vấn	(1.951.172.571)	(445.782.518)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(885.792.134)	(27.048.849)
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	(8.019.463.750)	(5.749.323.737)
Chi về dịch vụ ngân quỹ	(2.371.124.539)	(1.558.792.721)
Chi phí hoa hồng môi giới	(2.512.848.378)	(124.886.964)
Chi khác	(131.080.911)	(1.688.613.475)
	(18.753.360.404)	(11.385.476.156)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	153.511.710.427	140.408.429.013

19. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm 2010 đồng	Năm 2009 đồng
Cổ tức bằng tiền nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần:		
<i>Từ chứng khoán Vốn đầu tư (hạch toán trên TK 15)</i>	7.960.984.577	2.199.024.500
<i>Từ góp vốn, đầu tư dài hạn (hạch toán trên TK 34)</i>	15.911.931.000	7.698.189.494
Cổ phiếu thưởng nhận được	-	5.377.580.000
	23.872.915.577	15.274.793.994

20. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	154.361.471.055	113.539.819.377
Tiền mặt bằng ngoại tệ	78.020.887.458	24.545.080.586
Vàng tiền tệ	566.723.733.000	389.079.570.000
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	736.099.414.685	517.670.356.426
Tiền, vàng gửi KKH tại các TCTD khác	1.291.840.229.979	123.473.183.433
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày (Thuyết minh số 5.2)	5.844.270.000.000	3.693.268.820.000

21. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	Giá trị số sách	
	31/12/2010	31/12/2009
	đồng	đồng
Bất động sản	14.205.952.914.096	12.127.804.402.754
Động sản	3.936.056.268.542	5.287.979.000.060
Chứng từ có giá	3.656.321.907.118	3.870.412.602.675
Tài sản khác	7.562.604.919.847	3.638.936.884.913
	29.360.936.009.603	24.925.132.890.402

22. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0,00% đến 100,00% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	đồng	đồng
Bảo lãnh tài chính	769.350.103.496	1.344.573.486.463
Thư tín dụng trả ngay	218.266.113.697	163.958.237.237
Thư tín dụng trả chậm	25.023.943.863	27.886.366.938
	1.012.640.161.056	1.536.418.090.638
	(170.025.708.655)	(103.776.629.034)
Trừ: giá trị ký quỹ bảo lãnh/mở thư tín dụng		
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	842.614.452.401	1.432.641.461.604

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, Ngân hàng cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

24. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.



Nợ phải trả

Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	7.268.145.345.8	2.098.937.313.3	-	-	-	9.437.153.634.2
	-	81	63	70.070.975.000	-	-	44
Tiền gửi của khách hàng	-	173.900.483.14	8.401.799.495.8	2.606.003.611.0	545.165.225.32	862.881.208.22	13.986.212.955.0
	-	5	29	96	8	4	48
Phát hành giấy tờ có giá	-	731.090.516.13	2.373.126.557.5	1.122.433.529.2	534.568.300.51	2.309.825.270.0	7.071.044.173.4
	-	-	7	18	58	0	23
Các khoản nợ khác (*)	-	1.528.560.093.0	-	-	-	-	1.528.560.093.0
	-	07	-	-	-	-	07

Tổng nợ phải trả	-	1.702.460.576	16.401.035.35	7.078.067.481	1.737.669.729	1.397.449.508	3.706.288.201	32.022.970.85
	-	.152	7.847	.977	.586	.734	.426	- 5.722
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	1.482.616.555	7.353.907.503.	8.056.832.856	(85.788.834.0	(183.449.508.	625.651.974.0		2.541.955.539
	.855	803)	.665	07)	734)	11		- .987
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	56	-	-	-	-	-	1.012.640.161.0
	-	56	-	-	-	-	-	56
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	-	469.976.394.7	7.353.907.503.	8.056.832.856	(85.788.834.0	(183.449.508.	625.651.974.0	1.529.315.378
	-	99	803)	.665	07)	734)	11	- .931

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

25.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tài sản	EUR được quy đổi đồng		USD được quy đổi đồng		Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi đồng		Các ngoại tệ khác được quy đổi đồng		Tổng cộng đồng
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	45.282.139.558		32.738.747.900		566.723.733.000		-		644.744.620.458
Tiền gửi tại NHNN	-		43.934.832.620		-		-		43.934.832.620
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	58.103.349.692		2.327.599.305.072		323.910.000.000		4.752.108.176		2.714.364.762.940
Cho vay khách hàng (*)	32.308.871.659		751.767.793.332		590.626.239.570		-		1.374.702.904.561
Các tài sản Có khác (*)	41.832.154		44.553.349.389		3.883.932.830		-		48.479.114.373
Tổng tài sản	135.736.193.063	3.200.594.028.313	1.485.143.905.400	4.752.108.176	4.826.226.234.952				
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	112.962.092.074	3.019.183.015.952	1.484.105.198.010	-	4.616.250.306.036				
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	139.461.270		1.400.970.341.131		-		-		1.401.109.802.401
Tiền gửi của khách hàng	112.814.876.326		1.406.574.163.906		-		-		1.519.389.040.232
Phát hành giấy tờ có giá	-		153.871.560.763		1.397.172.612.660		-		1.551.044.173.423
Các khoản nợ khác	7.754.478		57.766.950.152		86.932.585.350		-		144.707.289.980
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	22.774.100.989	181.411.012.361	1.038.707.390	4.752.108.176	209.975.928.916				
Trạng thái tiền tệ nội bảng	-		-		-		-		-
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-		-		-		-		-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	22.774.100.989	181.411.012.361	1.038.707.390	4.752.108.176	209.975.928.916				

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro



25.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của ngân hàng. Đồng thời ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tài trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng đồng
	Trên 3 tháng đồng	Đến 3 tháng đồng	Đến 1 tháng đồng	Từ 1 - 3 tháng đồng	Từ 3 - 12 tháng đồng	Từ 1 - 5 năm đồng	Trên 5 năm đồng	
Tài sản								
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	799.106.091.513	-	-	-	-	799.106.091.513
Tiền gửi tại NHNN	-	-	736.099.414.685	-	-	-	-	736.099.414.685
Tiền gửi và cho vay các TCTD	-	-	6.248.545.829.97	2.197.290.000.00	0	104.400.000.000	-	8.550.235.829.97
khác (*)	-	-	9	0	0	-	-	9
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
tài chính khác	-	-	859.200.000	-	-	-	-	859.200.000
Cho vay khách hàng (*)	95.738.367.619	102.844.241.761	2.505.230.398.35	1.978.471.272.53	3.639.965.144.88	1.807.312.845.87	1.598.630.676.99	11.728.192.948.0
Chứng khoán	-	-	5	1	1	7	8	22
Đầu tư (*)	-	-	733.889.334.277	630.000.000.000	1.846.880.895.57	4.331.940.175.43	-	7.542.710.405.29
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	169.862.189.881	-	169.862.189.881
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	256.043.367.871	-	256.043.367.871
Tài sản Có khác (*)	-	-	2.969.848.856.38	1.018.646.536.52	793.321.555.555	-	-	4.781.816.948.46
	-	-	1	9	-	-	-	5
Tổng tài sản	95.738.367.619	102.844.241.761	13.993.579.125.190	5.824.407.809.060	6.384.567.596.015	6.309.115.211.195	1.854.674.044.869	34.564.926.395.709
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	7.268.145.345.88	1.989.320.000.00	0	113.887.297.716	64.963.390.647	9.437.153.634.24
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.575.699.978.97	2.606.003.611.09	1.408.046.433.55	1.396.462.931.42	-	13.986.212.955.0
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	2.373.126.557.51	1.657.001.829.76	2.309.825.270.00	-	7.071.044.173.42
Các khoản nợ khác (*)	-	-	731.090.516.137	8	0	-	-	731.090.516.137
	-	-	1.528.560.093.00	-	-	-	-	1.528.560.093.00
	-	-	7	-	-	-	-	7
Tổng nợ phải trả	-	-	18.103.495.933.999	6.968.450.168.614	3.065.885.863.320	3.820.175.499.142	64.963.390.647	32.022.970.855.722
Mức chênh thanh khoản ròng	95.738.367.619	102.844.241.761	(4.109.916.808.809)	(1.144.042.359.554)	3.318.681.732.695	2.488.939.712.053	1.789.710.654.222	2.541.955.539.987

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

26. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
Các cam kết vốn mua văn phòng làm việc	99.411.174.720	31.923.000.000
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	170.599.086.059	370.739.000.000
Trong đó:		
Đến hạn trong 1 năm	1.318.697.282	84.668.000.000
Đến hạn từ 2 đến 5 năm	83.253.733.349	246.528.000.000
Đến hạn sau 5 năm	86.026.655.429	39.543.000.000

27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các cổ đông của Ngân hàng đã nộp đủ số tiền tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngân hàng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 14 với vốn điều lệ là 3.000 tỷ đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 1 năm 2011.

Ngoài sự kiện trên và các sự kiện đã nêu trong các báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

28. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
USD	18.932	17.941
EUR	27.432	26.743
GBP	31.889	29.992
JPY	254,85	200,38
SGD	16.021	13.278
CAD	20.563	17.628
AUD	20.918	16.599
Vàng SJC (lượng)	35.990.000	26.300.000

Người lập:

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Trưởng phòng Kế toán
Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 1 năm 2011

Người phê duyệt:

Ông Phạm Văn Đẩu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Thành Phố Hồ Chí Minh

HỘI SỞ: 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1
HDBank Nguyễn Đình Chiểu: 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. ĐaKao, Q.1
HDBank Sài Gòn: 33-39 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1
HDBank Nam Kỳ Khởi Nghĩa: 201E Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3
HDBank Phú Mỹ Hưng: 1485 Nguyễn Văn Linh, KP. Mỹ Toàn 1, P.Tân Phong, Q.7
HDBank Huỳnh Tấn Phát: 705 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q.7
HDBank CMT8: 81 Cách Mạng Tháng 8, P. Bến Thành, Q.1
HDBank Khánh Hội: 173 Khánh Hội, P.3, Q.4
HDBank Phú Nhuận: 174 Phan Đăng Lưu, P.3, Q.Phú Nhuận
HDBank Công Lý: 102A2 Huỳnh Văn Bánh, P.15, Q.Phú Nhuận
HDBank Bạch Đằng: 204 Bạch Đằng, P.24, Q.Bình Thạnh
HDBank Lê Quang Định: 472 Lê Quang Định, P.11 Q.Bình Thạnh
HDBank Tân Định: 85 Nguyễn Hữu Cẩu, P. Tân Định, Q.1
HDBank Hiệp Phú: 199 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9
HDBank Bình Thọ: 354 Võ Văn Ngăn, P. Bình Thọ, Q.Thủ Đức
HDBank Linh Đông: 226 Tô Ngọc Vân, P. Linh Đông, Q.Thủ Đức
HDBank Phước Long: 93 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long B, Q.9
HDBank Cát Lái: 540 Nguyễn Thị Định, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q.2
HDBank Nguyễn Duy Trinh: 201 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Tây, Q.2
HDBank Nguyễn Trãi: 207-209 Nguyễn Trãi, P.2, Q.5
HDBank Ngô Gia Tự: 378-380 Ngô Gia Tự, P.4, Q.10
HDBank 3-2: 604 Đường 3 Tháng 2, P.14, Q.10
HDBank Nam Sài Gòn: 179A Chánh Hưng, P.4, Q.8
HDBank Nguyễn Văn Cừ: 118 -120 Nguyễn Văn Cừ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1
HDBank Đồng Sài Gòn: 260 Trần Nãi, P. Bình An, Q.2
HDBank Vạn Hạnh: 557-559 Sư Vạn Hạnh Nối Dài, P.13, Q.10
HDBank Chợ Lớn: 210-212 Hải Thượng Lãn Ông, P.14, Q.5
HDBank Phú Lâm: 138 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6
HDBank Thái Sơn: 222 Nguyễn Thái Sơn, P.4, Q.Gò Vấp
HDBank Lê Văn Sỹ: 236A Lê Văn Sỹ, P.1, Q.Tân Bình
HDBank Lữ Gia: 91 Nguyễn Thị Nhỏ, P.9, Q.Tân Bình
HDBank Lãnh Binh Thăng: 281B Lãnh Binh Thăng, P.8, Q.11
HDBank Hòa Hưng: 475Bis Cách Mạng Tháng 8, P.13, Q.10
HDBank Lạc Long Quân: 205 Lạc Long Quân, P.3, Q.11
HDBank Minh Phụng: 169 - 171 Minh Phụng, P.9, Q.6
HDBank Hòa Bình: 173 Hoà Bình, P. Hiệp Tân, Q.Tân Phú
HDBank Cộng Hòa: 440A Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình
HDBank Duy Tân: 69 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3
HDBank Âu Cơ: 516 Âu Cơ, P.10, Q.Tân Bình
HDBank Nguyễn Oanh: 40 Nguyễn Oanh, P.7, Q.Gò Vấp
HDBank Tân Phú: 21A Gò Dầu, P. Tân Quý, Q.Tân Phú
HDBank Trường Chinh: 2/6B Trường Chinh, P.Tân Thới Nhất, Q.12
HDBank Tân Bình: 657-659 Lạc Long Quân, P.10, Q.Tân Bình
HDBank Lê Trọng Tấn: 286 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q.Tân Phú
HDBank Phú Thọ: 305 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11
HDBank Nguyễn Sơn: 238 Nguyễn Sơn, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú
HDBank Nguyễn Ảnh Thủ: 2C Nguyễn Ảnh Thủ, P. Trung Mỹ Tây, Q.12

Long An

HDBank Long Hậu: Ấp 3, Xã Long Hậu, H. Cấn Giuộc

Bà Rịa Vũng Tàu

HDBank Vũng Tàu: Số 7 Nguyễn Thái Học, P.7, Tp.Vũng Tàu
HDBank Lý Thường Kiệt: 48 - 50 Lý Thường Kiệt, P.1, TP.Vũng Tàu
HDBank Phước Tỉnh: Số 16 Ấp Phước Bình, Xã Phước Tỉnh, Huyện Long Điền,
HDBank Bà Rịa: 267 Cách Mạng Tháng 8, P. Phước Hưng, Thị xã Bà Rịa
HDBank Châu Đức: 45 Lê Hồng Phong, KP2, TT Ngãi Giao, Huyện Châu Đức

Bình Dương

HDBank Bình Dương: 558 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, Thị Xã Thủ Dầu Một
HDBank Dĩ An: 4A/19 Đường Mới, KP Thống Nhất, Thị Trấn.Dĩ An
HDBank Sở Sao: Khu 3, Ấp 2, Xã Tân Định, Huyện Bến Cát
HDBank Hòa Lân: Ấp Hòa Lân, Xã Thuận Giao, Huyện Hòa Lân

Hà Nội

HDBank Hà Nội: 8B Lê Trực, P. Điện Biên, Q.Ba Đình
HDBank Hà Thành: 288 Phố Lạc Trung, P. Vinh Tuy, Q.Hai Bà Trưng
HDBank Đồng Đa: 200 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung, Q.Đống Đa
HDBank Hai Bà Trưng: 03 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng
HDBank Linh Đàm: BT1, Ô Số 7, Bắc Linh Đàm, Nguyễn Hữu Thọ, P. Đại Kim, Q.Hoàn Mai
HDBank Hoàng Văn Thái: 142 Hoàng Văn Thái, P. Khương Mai, Q.Thanh Xuân
HDBank Đồng Đa: 52 Nguyễn Siêu, P. Hàng Buồm, Q.Hoàn Kiếm
HDBank Vạn Xuân: 11 Lò Rèn, P. Hàng Bó, Q.Hoàn Kiếm
HDBank Nam Từ: 145 Phố Vọng, P. Đồng Tâm, Q.Hai Bà Trưng
HDBank Thành Công: 101và 201 - C18 Nguyễn Hồng, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa
HDBank Kinh Đô: 110 Thái Thịnh, P. Trung Liệt, Q.Đống Đa
HDBank Hồng Hà: 01 Nguyễn Văn Tố, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm
HDBank Hoàn Kiếm: 14-16 Hàm Long, P. Phan Châu Trinh, Q.Hoàn Kiếm
HDBank Nguyễn Trường Tộ: 27 Nguyễn Trường Tộ, P. Nguyễn Trung Trực,Q. Ba Đình
HDBank Thái Thịnh: 20 Tập thể T579C Hào Nam, P. Ô chợ Dừa, Q.Đống Đa
HDBank Hà Đông: Ô số 5 Lô Biệt Thự BT1 Khu đô thị Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội
HDBank Trảng Tiến: 34 Hai Bà Trưng, P. Trảng Tiến, Hà Nội
HDBank Triều Khúc: Xóm Cẩu, Xã Triều Khúc, Huyện Thanh Trì
HDBank Lê Thanh Nghị: 04 Lê Thanh Nghị, P. Cầu Dền, Q.Hai Bà Trưng
HDBank Trần Hưng Đạo: 98B Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm
HDBank Phố Huế: Số 8 Phố Huế, P. Hàng Bài, Q.Hoàn Kiếm
HDBank Thăng Long: 17 Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
HDBank Nguyễn Thị Định: M1-01 Nguyễn Thị Định, P. Trung Hòa, Q.Cầu Giấy
HDBank Cầu Giấy: 12 Nguyễn Phong Sắc(kéo dài), Q.Cầu Giấy
HDBank Tây Hà Nội: 138 Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy
HDBank Tây Đô: Lô B1- DN 12/3 Nguyễn Khánh Toàn, Q.Cầu Giấy
HDBank Tây Hồ: 22 Xuân La, P. Xuân La, Q.Tây Hồ
HDBank Trung Hòa: 144 Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân
HDBank Hoài Đức: Khu 6, Thị trấn Trạm Trôi, Huyện Hoài Đức

Đà Nẵng

HDBank Đà Nẵng: Lô 500A Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê
HDBank Lê Duẩn: 238 Lê Duẩn, P. Tân Chính, Q.Thanh Khê
HDBank Hải Châu: 46 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu
HDBank Hòa Cường: 376 Núi Thành, Q. Hải Châu
HDBank Nguyễn Văn Linh: 150-152 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê

Đồng Nai

HDBank Đồng Nai: 318B Phạm Văn Thuận, P. Thống Nhất, Tp.Biên Hòa
HDBank Long Bình Tân: 1/G1, QL 51, KP1, P. Long Bình Tân, Biên Hoà
HDBank Thanh Bình: Số 93 đường 30/4, P. Thanh Bình, Biên Hòa
HDBank Tân Biên: 47/2, KP1, P. Tân Hòa, Tp.Biên Hòa

Khánh Hòa

HDBank Nha Trang: 12 Trần Quý Cáp, P.Vạn Thạnh, Nha Trang
HDBank Chợ Mới: 3.05A Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Tp.Nha Trang

Nghệ An

HDBank Vinh: 78 Nguyễn Thị Minh Khai, TP.Vinh
HDBank Hưng Phúc: 282 Nguyễn Văn Cừ, P. Hưng Phúc, TP.Vinh

Hải Phòng

HDBank Hải Phòng: 386 Tô Hiệu, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân

Cần Thơ

HDBank Cần Thơ: 162-162B Trần Hưng Đạo, P. An Nghiệp, Q.Ninh Kiều
HDBank Tân An: 53 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.Ninh Kiều
HDBank Xuân Khánh: 209A-209B Đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều

An Giang

HDBank An Giang: 246 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Xuyên, Tp.Long Xuyên

